

## 6. Đôi soạn giả tài danh

### HÀ TRIỀU & HOA PHƯỢNG

Khi người ta sinh sống bằng một cái nghề nào đó đã trên bốn chục năm, bị bắt buộc phải giải nghệ, nếu có dịp về thăm lại những nơi chốn mà ngày xưa mình hành nghề,



Soạn giả Hà Triều – Hoa Phượng

thường thường người ta cảm khái bồi hồi, xúc động như được gặp lại người thân yêu đã từ lâu vắng bóng. Những khi có dịp về thăm quê hương, tôi cũng mang tâm trạng đó, nên sau việc thăm viếng mồ mả ông cha, thăm các bà con thân tộc, bao giờ tôi cũng dành một số lớn thì giờ đi thăm các nghệ sĩ tiền bối như Cô Bảy Phùng Há, cô Bảy Kim

Chưởng, thăm các bạn bè nghệ sĩ đang còn hành nghề hay đã đổi nghề, để hàn huyên, nhắc lại

những chuyện vui buồn ngày trước, khi mà tôi còn cùng với các bạn đó theo chân gánh hát trên đường lưu diễn.

Sau đó, tôi cùng các soạn giả Kiên Giang, Đức Hiền cùng đi xem lại những cảnh trí đổi thay của Sài Gòn, quan sát các phố xá, các rạp hát ở Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, những rạp hát mà ngày xưa đã có một thời rất đông vui, nhiều khán giả chen chúc nhau mua vé xem cải lương; bây giờ trở thành hoang phế : Rạp Quốc Thanh với mặt tiền móc meo, tiêu tụy; Rạp Long Vân, Rạp Long Phụng, Rạp Lao Động B, Rạp Quốc Tế và nhiều rạp khác được biến thành những dancing, khiêu vũ trường. Rạp Cây Gõ ở Bình Tiên, rạp Cao Đồng Hưng, Gia Định đã trở thành những nơi nhóm chợ chồm hổm. Chỉ còn có một rạp duy nhất, đêm đêm sáng đèn hát cải lương, đó là rạp Hưng Đạo ở đường Trần Hưng Đạo. Rạp Đại Đồng ở đường Cao Thắng, quận 3, thì ngày thứ bảy, chúa nhật, có tổ chức hát Hồ Quảng của nhóm Bạch Mai, Ngọc Đáng. Rạp Thủ Đô và rạp Hào Huê, Chợ Lớn thì Bầu Duy Ngọc tổ chức Đại Nhạc Hội ( Ca tân nhạc, trích đoạn cải lương và tấu hài ).

Các tụ điểm ca nhạc và tấu hài khác như Công Viên Đầm Sen, Hồ Kỳ Hòa, Suối Tiên, sân khấu hài Trống Đồng, Cầu Vồng, . . . những sân khấu ngoài trời thì chương trình chánh là tấu hài, ca nhạc, đôi khi có trích đoạn cải lương.

Chúng tôi đến chùa nghệ sĩ, thăm bà Bảy Phùng Há, ông Bầu Xuân ( Ban Quản trị của chùa ), thăm các vị sư tu hành trong chùa, các vị sư này ngày xưa cũng là những nghệ sĩ thân quen, nay chán mùi tục lụy, tìm về nương náu nơi cửa Phật. Sau đó chúng tôi ra nghĩa trang nghệ sĩ, viếng các mộ của : anh Năm Châu, chị Kim Cúc, anh và chị Ba Vân, Duy Lâm, đạo diễn Hoàng Việt, Thanh Nga và chồng ( Phạm Duy Lâm ), sau rốt chúng tôi kéo tới viếng mộ Hoa Phượng, bày rượu, thịt, hoa quả và đốt nhang, van vái vong hồn Hoa Phượng về thượng hưởng.

Kiên Giang khui rượu mà tôi mua ở phi trường Dorval đem về, rót ra bốn chung, cầm một chung rót dài xuống đất, trước phần mộ của Hoa Phượng, vừa rót rượu vừa vái:

*Hoa Phượng ơi ! Mà y về uống rượu Martel nè . Của anh Nguyễn Phượng mua về cúng mà y và cho anh em say một bữa. Hôm nay anh có mua bánh mì, thịt heo quay, có xoài cát, có cam sành, những thứ mà mà y thích. Trước đây, những ngày cúng giỗ mà y, tao nghèo quá, không có tiền, có gì cúng nấy, nhưng nghèo tiền, nghèo bạc, chứ không nghèo thơ, tao có làm mấy câu thơ, mà y về nhậu với tụi tao, nghe thơ chơi, nghe Hoa Phượng’.*

Kiên Giang bưng chung rượu của mình lên, nói : *Anh Ba, Đức Hiền, cạn một ly với Hoa Phượng đi.*

Kiên Giang cũng nốc cạn chung rượu, rồi lớn tiếng ngâm:

*Hoa Phượng vẫn hồng trong ánh sáng  
Dù thân tầm sớm dứt tơ vương  
Vào ngày giỗ quây, ai còn nhớ  
Mỹ vị cao lương chẳng sánh bằng  
Dĩa nước mắm nghèo, rau muống luộc  
Mà thương người nặng nợ văn chương.*

Anh Tám Cao đến chùa nghệ sĩ để chuẩn bị các phần quà cho đoàn cứu trợ nạn lụt ở Kiến Phong, thấy chúng tôi ngồi bên mộ Hoa Phượng, lại nghe có tiếng ngâm thơ, bèn cùng ông Bầu Xuân ra, thắp một nén nhang. Tôi muốn kể lại chữ lu mờ trên bia, nên đưa tiền cho Đức Hiền bảo nhờ tài xế chở ra chợ Gò Vấp mua thêm vịt quay, soda, bánh mì và một hộp sơn đỏ với cây cọ. Đức Hiền thuộc về soạn giả đàn em, đàn cháu nên sẵn sàng giúp các ông bạn già, nhưng anh tài xế xe bao của chúng tôi lẹ miệng, tình nguyện đi mua dùm, để Đức Hiền ở lại vui với chúng tôi. Nhưng Tám Cao bảo khỏi mua sơn, cọ vì trong chùa có sẵn, anh vô lấy và rữ Mai Lan, Tô Kim Hồng và Nam Hùng ra mộ Hoa Phượng, thắp nhang tưởng nhớ anh chàng soạn giả đào hoa này, vừa nhậu, vừa nhắc lại những kỷ niệm huy hoàng một thời của sân khấu cải lương.

Bầu Xuân nói:

*“ Tôi cũng đi lấy ra chiếc chiếu với cây đàn kìm, để mấy anh và mấy cô ca những bài ca của Hoa Phượng ”.*

Tôi và Kiên Giang kéo nhau ra gốc cây bạch đàn gần đó, bàn nên nghĩ vài câu thơ để viết lên nắp mộ của Hoa Phượng, ghi dấu ngày, tôi từ Canada về tới Gò Vấp, cùng với các bạn soạn giả ngày xưa đi viếng Hoa Phượng.

Tôi nói:

*“Tao nghĩ được 4 câu, ( tôi đọc cho Kiên Giang nghe )*

*Điệu cầm chưa trọn “ Tương Tư Khúc “  
Lòng lầy rồi nằm lạnh nghĩa trang,  
Bỏ bạn, em đi về cõi mộng  
Phát phơ hồn phách dạo trăng ngàn.*

Kiên Giang nói:

“Hay! Tôi thêm bốn câu kết:

*Em trẻ hơn anh em, mất sớm,*

*Gió buồn sóng gợn bóng trăng tan*

*Bạn đường nỗi khổ ngùi thương tiếc*

*Thôi hết !. . mơ hồ tiếng thở than!*

Anh Tám Cao đem hộp sơn đỏ với cọ ra. Nam Hùng, Tô Kim Hồng, Mai Lan, cũng tạm ngưng việc gói các phần quà để ngày mai đi cứu trợ, ra chòm mả, dự cuộc vui đàn ca tài tử để nhắc những kỷ niệm xưa với Hoa Phượng. Thấy tôi viết bốn câu thơ trên nắp mộ, và Kiên Giang cũng viết bốn câu thơ của anh, Tám Cao liền lớn tiếng ngâm theo lối thơ Tao Đàn, Đức Hiền cầm đàn kìm, đưa hơi. Tiếng ngâm thơ Tao Đàn của Tám Cao nghe sao mà buồn quá, không biết có phải vì giọng ngâm của danh ca Tám Cao vẫn còn sức ru hồn người hay vì tôi liên tưởng đến tình cảm của những người bạn già, dù xa cách nghìn trùng, vẫn không sao quên được người bạn đồng nghiệp tài hoa đang nằm trong nấm mộ kia? Hoa Phượng ơi! Em đang ở đâu ? Hãy về uống chung rượu nồng và chia lời tâm sự với các anh.

Anh tài xế mang vịt quay, soda, bánh mì về, Tô Kim Hồng, Mai Lan, dọn ra. Rượu vào, lời ca bay ra. Tô Kim Hồng, Mai Lan, Nam Hùng, Đức Hiền, Tám Cao, ngày trước đều có đóng một vai nào đó trong các tuồng của Hoa Phượng, nên ca những câu vọng cổ, hay bài Phụng Hoàng trong các vở Nửa Đời Hương Phấn, Con Gái Chị Hằng. . . Dân chúng gần chùa kéo tới nghe đờn, ca. Các bạn tôi cũng vui chung rượu, vui tiếng đàn, vui vì có dịp nhắc nhở, nói chuyện lại với Hoa Phượng sau hơn 16 năm xa cách. . . Ai ai cũng vui, chỉ riêng tôi nhìn sống di ảnh của Hoa Phượng trên mộ bia mà nhớ những chuyện ngày xưa. . .

**Hoa Phượng** chào đời năm 1933 tại núi Sập, xã Thoại Sơn, tỉnh An Giang, tên thật là **Lương Kế Nghiệp**.

Năm 1947, khi mới 14 tuổi Lương Kế Nghiệp tham gia kháng chiến chống Pháp ở tỉnh Long Châu Hà (tên ghép của ba tỉnh Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên), làm thơ ký cho Ty Công An. Lúc ở văn phòng Ty Công An, anh đã tỏ ra say mê đờn ca, ưa nhậu nhẹt nên khi có Hiệp Định đình chiến 54, anh bị đánh giá là thành phần tiểu tư sản, không lập trường, không được đi tập kết ra Bắc. Năm 1955, Lương Kế Nghiệp (22 tuổi) lên Sài Gòn tìm kế sinh nhai. Anh được Kiên Giang bảo bọc trong những ngày đầu khi mới đến xứ lạ quê người. Tại nhà Kiên Giang, anh gặp lại người bạn trong kháng chiến: anh Đặng Ngơn Chúc, lớn hơn anh 2 tuổi, sau này hai người hợp soạn tuồng lấy nghệ danh là Hà Triều, và anh là Hoa Phượng.

Trong căn nhà sàn chông chênh nhỏ hẹp, cất trên sinh lầy ở xóm nhà đèn Chợ Quán (nhà của Kiên Giang), Lương Kế Nghiệp và Đặng Ngơn Chúc chung sống cam khổ với Kiên Giang. Lương nhà báo của Kiên Giang còn phải dùng để nuôi mẹ, nuôi vợ con, nên chỉ tiếp cho hai bạn được phần nào thôi. Lương Kế Nghiệp không có nghề nghiệp,

không có bằng cấp học vị nào cả nên cuối cùng chỉ xin được một việc làm là Thư ký đánh máy trong Viện Hối Đoái. Cả hai được Kiên Giang dẫn dắt trong việc viết báo và viết tuồng cải lương. Hai anh cũng được Kiên Giang giới thiệu học ca cổ nhạc miền phí với nhạc sĩ Út Trong.

Nhờ có số vốn cổ nhạc học ở miền Tây lúc còn chiến tranh nên Hoa Phượng và Hà Triều sáng tác được vở tuồng đầu tay vào cuối năm 1956. Nhân dịp Kiên Giang thành công qua vở *Người Đẹp Bán Tơ* trên sân khấu Việt Hùng - Minh Chí nên anh giới thiệu với Việt Hùng vở tuồng đầu tay của Hà Triều Hoa Phượng, nhan đề *Vì Quê Hương*. Vở này được đoàn Việt Hùng - Minh Chí khai trương ở rạp Phú Nhuận. Không thành công! Vở tuồng thứ hai của Hà Triều - Hoa Phượng cũng là vở tuồng xã hội, tựa *Sau Cơn Gió Lốc*. Vở thứ hai cũng thất bại thê thảm, chẳng những doanh thu thấp mà đoàn Việt Hùng Minh Chí cũng chỉ diễn được có ba xuất hát rồi ngưng luôn. Có ký giả kịch trường ác ý, tặng cho vở tuồng *Sau Cơn Gió Lốc* biệt danh là Sáu Con Cá Lóc. Đoàn Việt Hùng Minh Chí tan rã vì chuyện tình duyên ngang trái của Minh Chí và Ánh Hoa.

Kiên Giang, Hà Triều Hoa Phượng, gia nhập Đoàn hát Thúy Nga - Phước Trọng. Đoàn dựng vở *Khi Hoa Anh Đào Nở*, của Hà Triều - Hoa Phượng. , được thành công lớn về doanh thu, một hiện tượng “ ăn khách “ đặc biệt mà báo chí không ngớt nhắc tới tên hai soạn giả trẻ Hà Triều - Hoa Phượng và một kếp trẻ mới nổi lên là Thành Được trong vai Tô Điền Sơn. Đó là những ngày tháng cuối năm 1958.

Năm 1960, sau khi ông Bầu Năm Nghĩa mất, bà Bầu Thơ, thân mẫu của Thanh Nga muốn tạo điều kiện cho Thanh Nga phát triển tài năng ca, diễn, đồng thời để giữ vững đoàn hát Thanh Minh là sự nghiệp của chồng Bà và giữ vững ngôi vị Huy Chương Vàng giải Thanh Tâm của Thanh Nga, Bà mời nhiều soạn giả thường trực và nhiều kếp trẻ, đào đẹp, ca hay, diễn giỏi như Thành Được, Hữu Phước, Việt Hùng, Ngọc Nuôi, Út Bạch Lan, Ngọc Giàu, Thanh Tú, Bé Hoàng Vân. Trong đoàn Thanh Minh, những diễn viên kỳ cựu như Hoàng Giang, Ngọc Chúng, Minh Điển, Văn Ngà, Kim Quang, Hề Núi, Hề Châu Hí, Thu Ba, Vinh Sang, vẫn giữ vai trò một ở đàn bao rất là hùng hậu.

Nên biết rằng những năm cuối thập niên 1950 và những năm đầu thập niên 1960, sân khấu cải lương miền Nam có một bước biến chuyển rất quan trọng. Những diễn viên giỏi về diễn xuất, ca bài bản lớn hay nhưng không có giọng tốt để ca vọng cổ đều phải nhường địa vị quan trọng trên sân khấu cho các kếp có giọng ca vàng như : Hữu Phước, Thành Được, Hùng Cường, Dũng Thanh Lâm, Thanh Tú, anh Út Trà Ôn, Văn Hường, và các đào ca như Út Bạch Lan, Ngọc Giàu, Thanh Nga, Ngọc Nuôi, Thu Ba, Mỹ Châu, Lệ Thủy, Phượng Liên, Bạch Tuyết. . .

Thời điểm của Hà Triều - Hoa Phượng thành công về các tuồng xã hội (kể cả những thành công của chúng tôi. : Kiên Giang, Nguyễn Phương, Hoàng Khâm, Thiếu Linh,

Mộc Linh. . ) một phần cũng nhờ ở sự thu hút khách mộ điệu của những diễn viên có giọng ca vàng đó.

Trên sân khấu Thanh Minh Thanh Nga, Hà Triều Hoa Phượng đã gặt hái thành công qua các vở: *Nửa Đồi Hương Phấn*, *Con Gái Chì Hằng*, *Tấm Lòng Của Biển*, *Sông Dài ( vở kịch này do Nguyễn Phương chuyển thể thành cải lương ) Rồi ba mươi năm sau, Đêm vĩnh biệt.*

Chỉ có một vở duy nhất không thành công là vở *Trăng Thượng Tuần Sấp Lặn*, sau đổi tựa là *Hoa Rụng Đêm Khuya*. Vở này phóng tác theo truyện phim Địa Ngục Môn của Nhựt, Thanh Nga thủ vai nàng Dạ Lan (Kesa ), thà chịu chết để chồng được sống. Thành Được thủ vai người chồng, Việt Hùng thủ vai tên cường đạo Morito ( diễn xuất như tài tử Nhật trừ danh Toshiro Mifune ) Vở *Khi Hoa Anh Đào Nở*, cải lương hương xa, hình thức Nhựt Bồn, vở đầu tiên loại này ăn khách nhất. Đến vở *Hoa rụng Đêm Khuya*, cũng hương xa, Nhựt Bồn, vở này thất bại, chấm dứt luôn loại hình sân khấu cải lương hương xa.

Trên sân khấu Dạ Lý Hương, năm 1964, Hoa Phượng cũng thành công bước đầu bằng vở tuồng chường *Vô Kỵ Triệu Minh*, sau đó viết một loạt vở xã hội như *Trường Tương Tư*, *Tuyệt Tình ca hay ông Cò quận 9*, *Tần Nương Thất*, *Khói sóng Tiêu Tương*, *Bụi mờ ải nhận*.

Sau vở *Tàu ra xứ Huế*, (đoàn Thanh Minh Thanh Nga năm 1964 ) Hà Triều và Hoa Phượng không viết chung liên danh như trước nữa. Hà Triều lo nuôi ngựa đua và có một con ngựa đặt tên là Tô Điền Sơn để kỷ niệm bước thành công đầu tiên của anh và Hoa Phượng qua tuồng *Khi Hoa Anh Đào Nở*. Sau khi tách rời Hoa Phượng, Hà Triều không viết gì được nữa. Vở *Đôi Nhân Tình Khùng* của Hà Triều thất bại trên sân khấu Thanh Minh Thanh Nga. Hà Triều tuyệt tích giang hồ một thời gian.

Năm 1968, sau Tết Mậu Thân, Hoa Phượng theo **gánh hát Trường Sơn** lưu diễn miền Trung với họa sĩ Phan Phan và vài diễn viên theo anh học viết tuồng. Trong số đệ tử của anh, có Hữu Lộc ( chồng của nữ nghệ sĩ Anh Hồng ), soạn giả kiêm trưởng đoàn cải lương Long An, Trường Ninh, soạn giả kiêm phó đoàn cải lương Tây Ninh, Thanh Hiền và Đăng Minh, soạn giả. Thời gian theo đoàn cải lương Trường Sơn, Đà Nẵng, Hoa Phượng viết *Đường gươm Nguyễn Bá*, *Giữa chốn bụi hồng*. Vở *Giữa chốn bụi hồng* trước đây đã hát trên sân khấu Thanh Minh Thanh Nga không ăn khách, anh sửa lại, cho hát trên sân khấu đoàn Trường Sơn.

Sau 1975, Hà Triều có viết vài vở như *Phụng và Hoàng*, *Cô Bé Ba*, *Những Nấc Thang*; Vở *Phụng và Hoàng* được đoàn cải lương Sài Gòn 3 trình diễn, không ăn khách. Hai vở kia, không có đoàn nào chịu dàn dựng, thành ra có viết, có kiểm duyệt nhưng không được trình diễn với đời. Thời gian này, Hà Triều có vợ là cô Ngọc Lan, thơ ký Báo Phụ Nữ, nhưng chưa được trọn năm, cô Ngọc Lan vượt biên, hiện giờ không biết ở đâu. Hà Triều rất nghèo, sống kham khổ với số lương hưu hàng tháng là 170. 000 đồng Việt

Nam ( chưa tới 20 đô Canada ), ở một căn phòng 4 thước vuông trên lầu Rạp Hưng Đạo, chỉ có một chiếc giường, nồi niêu, lò dầu để dưới đất, sô nước xách từ ngoài vào để nấu nướng. Vợ chồng tôi đến thăm anh, giúp đỡ cho anh chút đỉnh tiền nong, hỏi chuyện hiện tại chớ không dám nhắc lại thời huy hoàng của tất cả chúng tôi trong đoàn Thanh Minh Thanh Nga cũ.

Về chuyện gia đình thì Hoa Phượng tài hoa mà cũng rất đào hoa. **Bà vợ lớn tên Nguyễn Thị Truyện**, ở với anh có 5 người con. Con gái lớn tên Nhứt Nương, con trai thứ Nhị Lang, Tam Lang, Tứ Lang và Ngũ Lang. Theo chị Truyện kể thì thời gian Hoa Phượng còn viết tuồng, tiền bản quyền thật là nhiều, nhưng Hoa Phượng không chịu mua nhà. Lúc nào cũng ở nhà mượn nên gia đình chị dọn đi ở nhiều nơi như: Bàn Cờ, Xóm Chiếu, Gia Định, Cô Giang, Chợ Lớn. Mãi đến sau khi anh mất ( 22 tháng 10 năm 1984 ), nhờ có tiền bản quyền do các đoàn hát ở miền Trung đem về cho chị, Nhứt Nương mới cất được ngôi nhà cho mẹ con chị ở yên nơi yên chỗ. Đó là căn nhà số 59 / 3 Ấp 4, xã Tân Thuận, Quận Nhà Bè. Nhứt Nương có chồng, đi định cư tại Đức Quốc, thỉnh thoảng có gửi tiền về giúp mẹ và em. Ngũ Lang làm công nhân ở Quận Nhà Bè. Con của Hoa Phượng không có ai theo đuổi nghề nghiệp của cha.

**Người vợ thứ hai tên Yến**, nguyên là chuyên viên ở Ngân Hàng Việt Nam Thương Tín, rất đẹp, học giỏi, vì yêu văn tài của Hoa Phượng, lấy anh, nguyện làm người đếm bạc cho anh khi có bản quyền. Cô Yến mượn một căn gác nhỏ, nhưng đẹp và thơ mộng ở vườn Bàu, Xóm Bàn Cờ. Tôi và Kiên Giang, Phượng Ánh thường mua heo quay, vịt quay tới nhậu với Hoa Phượng tại nhà chị Yến. Bây giờ không biết bà này ở đâu !

**Người thứ 3 là một bà chủ nhà ở miền Trung**, Đà Nẵng. Bà này cũng mến tài Hoa Phượng, đùm bọc cho Hoa Phượng, Phan Phan, Hữu Lộc khi bộ ba anh hùng này phiêu lãng giang hồ.

Tôi chỉ nghe Phan Phan thuật lại, không nói tên, nói họ, không có ảnh để biết hình biết dạng của bà. Sau 75, không nghe Phan Phan hay Hoa Phượng nhắc đến bà nữa.

**Người vợ thứ 4 là cô Thanh Vân**, em ruột của nữ nghệ sĩ Thanh Nguyệt ( Thanh Nguyệt - Quốc Nhĩ ) Sau khi Thanh Nguyệt thủ vai chánh trong tuồng Bụi Mờ Ái Nhạn của Hoa Phượng, ( đoàn Sông Bé 1 của Bàu Xuân ) thì Kiên Giang và tôi được Hoa Phượng mời đến nhà của Thanh Vân, Thanh Nguyệt ở xóm đường rầy xe lửa ( xuyên ngang qua đường Trần Quý Cáp cũ ) để giới thiệu cô vợ trẻ đẹp của anh. Hoa Phượng kêu tôi bằng anh, cô vợ trẻ của anh, Thanh Vân kêu tôi bằng bác, Hoa Phượng rầy dữ lắm, cô mới gọi bằng Anh Ba, chớ chẳng dám gọi tên. Hồi đó tôi mới có 60 tuổi, chưa phải là già gì đâu, mà cô gọi tôi bằng bác, nghe cũng mất vui!!

**Người vợ thứ 5, cũng là người vợ chót tên Thanh Thu**, con gái của nghệ sĩ Nguyễn Thành Châu và chị Kim Cúc. Cô Thu tốt nghiệp đàn violon trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn, đáng lẽ cô phải mê tân nhạc, thích bản đàn Symphonie inachevée, nhưng cô lại thích cổ nhạc, mê văn của Hoa Phượng. Chính cô đã chăm sóc, dưỡng nuôi trong những ngày Hoa Phượng lâm trọng bệnh ở nhà thương Chợ Rẫy.

Ngày Hoa Phượng mất, tang lễ được tổ chức ở nhà Hội Sân Khấu, có chị Truyen, năm người con, và hai cô vợ nhỏ Thanh Thu, Thanh Vân. Cô Thu là người lo mọi việc trong tang lễ. Thanh Vân đứng trước cổng nhà Hội, khóc tới xỉu. Chị Truyen ngồi như chết trân kể bên quan tài của Hoa Phượng. Đêm đó, Kiên Giang đưa bản trống trầu của Hoa Phượng, viết dưới dạng một bài vọng cổ, nhờ Thanh Tuấn ca trước bàn thờ của anh để cho bạn bè và vợ con của anh nghe.

*Nguyễn Phượng! Uống đi chớ! Cầm chung rượu, mà cứ nhìn sừng sờ đầu đầu .*

Anh Tám Cao kêu lớn tiếng, kéo tôi trở về thực tại. Nhớ về Hoa Phượng thì nhớ nhiều thứ lắm. Ngoài tánh tình phóng khoáng, Hoa Phượng là một người giang hồ lãng tử, tài hoa, lãng mạn, tốt và trung thực với bạn bè. Bút pháp của Hoa Phượng phải cần nhiều. . . rất nhiều trang giấy để nói tới, để phân tích, nhưng có thể tóm tắt là tuồng của Hoa Phượng bố cục xúc tích, hợp tình, hợp lý, có tính văn học, tính trữ tình, nhân vật điển hình được thể hiện trung thực như trong cuộc sống, đối thoại viết rất hay. . .

Tôi nói :

*“ Ngồi giữa chòm mả nơi nghĩa trang nghệ sĩ, tôi bỗng nhớ bài vọng cổ trầu trời của Hoa Phượng, nhờ Thanh Tuấn ca trước quan tài của anh ở nhà Hội Sân Khấu 16 năm rồi. Đức Hiền, mấy có nhớ thì ca lại bản vọng cổ đó cho anh em nghe chơi mà hiểu tâm sự của Hoa Phượng”.*

*Dạ nhớ ! Để em ca. Anh Tám, anh đồn nghe anh Tám. !*

Đức Hiền tăng hắng lấy giọng, Tám Cao so dây đồn. , rao . . . tiếng đồn kìm độc chiết, từng tiếng . . . từng tiếng trầm ấm, run run như theo làn gió hiu hiu trong một buổi chiều ở nghĩa trang. . . Có lẽ hồn Hoa Phượng hiển hiện đâu đó trong tâm linh của các bạn cũ, nghe chính lời trầu trời của mình 16 năm trước. Bài Vọng Cổ Trái Tim Núi Sập ( Nói lối ) Núi Sập, ngày 16 tháng 2 năm 1984.

*Ba là Lương Kế Nghiệp có mấy lời gọi lại cho con,  
Năm mươi năm trước, Ba chào đời tại xã Thoại Sơn,  
Khi núi Sập vẫn còn nguyên hình dáng.*

*Nay trái núi quê hương bị vỡ ra từng mảnh,*

*Để người dân tìm phương sanh sống*

*Chớ không còn ai thành thơ nằm võng mà nghe tiếng gà trưa lay động. . .*

*( Vọng cổ câu 1. - ) . . . bóng tre làng . . . Núi Sập giờ đây cũng như Ba, nó cũng sắp thở hơi tàn. . . với thân hình tiều tụy, núi Sập nhìn con sông Lạc Dục để trầu trầu. Sông ơi, người ta đem thịt xương tôi để nối liền những con đường xứ sở, cũng như con sông đó là huyết quản của quê hương, nhưng sông có buồn chăng khi đá núi đã mòn mà nước sông vẫn còn luân lưu chảy mãi.*

*Câu 2 - Đã đành mọi vật có sanh thì có tử, nhưng khi thấy cảnh tang điền thương hải, mấy ai tránh khỏi nén lòng đau xúc động bồi hồi. . . núi Sập được bao nhiêu niên kỷ hay cùng sinh ra một lượt với đất trời. . . Ôi còn đâu pháo đài uy nghi trên chót núi, còn đâu am cô Mười với cây đa lẻ trơ vợ, tất cả đều trở thành đời xưa khi núi Sập hóa ra bình địa, rồi mai kia có những người Thoại Sơn lạnh lùng bỏ ngõ hỏi nhau rằng núi Sập nằm ở nơi đâu. . .*

*Câu 3- Con ơi, khi Ba viết những dòng này thì núi Sập đã hao mòn phân nửa, có lẽ nó đang rên nhúc từng thớ thịt lỏng xương, vì người ta luôn hì hục đua chen làm công việc khai sơn phá thạch, núi Sập vẫn nằm trơ nghe từng tiếng mìn đục khoét, làm cho loang lỗ châu thân. Xưa kia Ba Má đã từng đập từng cục đá, nuôi con bằng tất cả mồ hôi nước mắt, dẫu ngày nay con đã tha phương cầu thực, nếu có mừng vui đôi chút thành công gạt hái giữa đường đời, con phải nhớ rằng đá núi Thoại Sơn đã nuôi con khôn lớn nên người.*

*Câu 4 - Ở Sài Gòn chắc đập diu xe cộ, có khi nào con đi bộ không con? Có khi nào nghe bịn rịn bước chân bỗng lưu luyến một quãng đường nào đó, con hãy dừng chân và lắng nghe cho rõ, sẽ nghe từng hơi thở đá núi Thoại Sơn dưới đường nhựa đô thành. Đó là hơi thở của quê hương đang âm ỉ trong lòng. Con sẽ nhớ tới quê nhà, nơi mà tự ngàn xưa ông bà đã gây nên cơ nghiệp thì Ba mừng hơn được trăm bạc ngàn vàng. Mai kia trong lòng đất Thoại Sơn, Ba sẽ yên tâm gửi nắm xương tàn.*

*Câu 5- Ba chỉ nghe người xưa có tài di sơn đảo hải, nhưng ngày nay chính mắt Ba trông thấy chuyện núi đổi non dời, có thật vậy không? Người ta sẽ lấp biển vá trời? Ba chỉ nói với con đôi lời về câu chuyện người dân núi Sập đang hăng hái dời non, Khi nhìn thấy dòng sông Lạc Dục thành khơi về biển cả mà núi Sập không còn một cục đá để lưu niệm với đời sau, thì con ơi nên nhớ rằng mềm mại như dòng sông nọ tồn tại muôn thu còn hơn đá Thoại Sơn này.*

*Câu 6- Có khi nào rảnh rỗi trong việc mưu sinh con trở về quê thăm xứ sở, đừng ngạc nhiên khi con thấy con đường núi Sập, lắm khi cũng còn gập ghềnh bùn đất, bởi chinh chiến dằng dai nên tỉnh quận không kịp về trùng tu kiến thiết. Thôi! Người dân núi Sập đã quen nhiều gian nan cực khổ thì có xá chi đi bộ với đi đò (Song Lang ) Miễn sao con sẽ tới chỗ tìm lại nơi chôn nhau cắt rún, cùng bà con thân thuộc tay bắt mặt mừng để tổ ấm lòng mình quý trọng quê hương.*

Nghe lời trần trối của Hoa Phượng qua bài vọng cổ mà Đức Hiền vừa ca, chúng tôi rất buồn, nhớ lại những chuyện ngày xưa. . . Tôi nhớ lại những khi Hoa Phượng bịnh trầm trọng, vợ chồng tôi lặn lội tới Củ Chi thăm anh, giúp đỡ tiền nong nhiều lần và chở anh về tới nhà, đãi đằng cơm nước, Hoa Phượng nói đã lâu lắm mới ăn được một bữa cơm ngon. Anh nói vì thương và kính trọng vợ chồng tôi nên khuyên tôi nên năng lui tới Hội Sân Khấu, bỏ tiền ra đãi đằng anh em trong Hội để gây cảm tình, chớ tôi sống cứng rắn, tỏ ra không sợ, không cần họ thì tuồng của tôi khó được họ cho hát dễ dàng. Tôi cảm ơn lời khuyên nhưng không làm theo. Khi anh mất, anh cũng khuyên con anh nên uốn mình mềm mại như dòng sông để tồn tại chớ đừng cứng rắn như anh . . . như đá Thoại Sơn mà bị đẽo gọt tới tan xương nát thịt. Hoa Phượng viết bài vọng cổ này khi anh bịnh nặng, tinh thần giao động, chớ Hoa Phượng không phải là loại người chịu quì gối khom lưng.

***Hoa Phượng ơi ! Chúng ta là nghệ sĩ, là những người có Bản Sắc Riêng, nếu chùi cho sạch cái bản sắc riêng đó thì mình đâu có còn là mình nữa, phải không Hoa Phượng? Chùi mất bản sắc riêng đó thì mình còn được cái gì?***

Hoa Phượng không làm dòng sông mềm mại uốn khúc đó nên sau 75 bị đuổi ra khỏi Sài Gòn để về đất Tây Ninh nướng náu, lẽ nào khi gần chết lại biểu con mình uốn khúc lượn quanh để tìm sự sinh tồn ?

Dầu sao anh em nghệ sĩ và khán giả thân thương vẫn nhớ Hoa Phượng.

**Cho hay hết thấy rồi tan biến**

**Con lại ngan sau một chữ tình**

Thương nhớ Hoa Phượng và Hà Triều, Nhớ một thuở vàng son của sân khấu cải lương.

## Vĩnh Biệt Soạn Giả Tài Danh Hà Triều .

Tôi được tin soạn giả Hà Triều qua đời ngày 11 tháng 5 năm 2003 tại phòng riêng của anh trên lầu rạp Hưng Đạo, tôi rất bàng hoàng. . . rất xúc động. Bàng hoàng vì năm 2000, chúng tôi về thăm quê hương, có gặp anh, chuyện trò lâu và biết rằng anh không có bệnh tật gì nghiêm trọng. Gần đây liên lạc với một số bạn nghệ sĩ ở Việt Nam, chúng tôi cũng không được tin anh đau yếu hay bệnh tật gì. Tôi rất xúc động vì cái chết đột ngột và cô đơn của Hà Triều, một soạn giả cải lương tài danh của hai thập niên 60,

70.



**Hà Triều** tên thật là **Đặng Ngươn Chúc**, sanh năm 1931 tại làng Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Rạch Giá. Hà Triều (Đặng Ngươn Chúc) và Hoa Phượng (Lương Kế Nghiệp) là hai người bạn thân với nhau từ năm 1948 ở tỉnh Long Châu Hà (tên ghép lại của ba tỉnh Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên), sau năm 1955, hai người bạn cũ gặp lại nhau tại Sài Gòn, sống nhờ sự đùm bọc của thi sĩ Kiên Giang Hà Huy Hà. Họ sống chung trong một căn nhà sàn chật hẹp, cất trên

sình lầy ở xóm nhà đèn Chợ Quán. Lương Kế Nghiệp (sau này là Hoa Phượng) không có bằng cấp học vị nào cả nên chỉ xin được một chân thư ký đánh máy trong Viện Hối Đoái. Hà Triều Đặng Ngươn Chúc thì theo Kiên Giang học viết báo, rồi nhờ Kiên Giang giới thiệu, anh học đàn kìm với nhạc sĩ Út Trong. Thấy Kiên Giang thành công vở tuồng cải lương *Ngũ Lang Chúc Nữ* trên sân khấu Việt Hùng - Minh Chí, Lương Kế Nghiệp và Đặng Ngươn Chúc học viết tuồng cải lương, lấy nghệ danh là Hà Triều - Hoa Phượng. Vở tuồng cải lương đầu tay của hai anh là vở “*Vì Quê Hương*” khai trương trên sân khấu đoàn Việt Hùng - Minh Chí tại rạp Phú Nhuận Vở tuồng này không thành công. Hai anh viết tiếp một vở khác, đề tựa là “*Sau cơn gió lốc*”. Vở này cũng thất bại thê thảm vì đoàn Việt Hùng Minh Chí chỉ hát được ba đêm là phải đổi tuồng khác. Có ký giả kịch trường ác ý, đặt tên là tuồng “*Sáu con cá lóc*” để điều cợt, nhưng Hà Triều Hoa Phượng không nản chí, hai anh tiếp tục nghiên cứu, học tập nơi

các kịch bản của các nghệ sĩ đàn anh. Thời gian này, Sài Gòn có nhiều phim Nhặt Bốn được khán giả ưa thích như phim Địa Ngục Môn, phim Bảy chàng võ sĩ đạo, phim Hiệp sĩ mù nghe gió kiếm. . . Hà Triều Hoa Phượng viết vở *Khi Hoa Anh Đào Nở* loại tuồng dùng hình thức hương xa ( Nhặt bốn ) hát trên sân khấu Thúy Nga, Kép trẻ Thành Được, từ đoàn tỉnh Thanh Cần qua hát, thủ vai chánh Tô Điền Sơn. Tuồng thành công rực rỡ về nghệ thuật cũng như về số thu nên tên tuổi đôi nghệ sĩ trẻ Hà Triều Hoa Phượng nổi bật, được báo chí kịch trường viết giới thiệu như một hiện tượng mới trong giới nghệ sĩ cải lương.

Năm 1960, Đoàn Thanh Minh nhân dịp Thanh Nga đoạt huy chương vàng giải Thanh Tâm nên đổi bảng hiệu là đoàn Thanh Minh - Thanh Nga, bà Bầu Thơ mời nhiều soạn giả thường trực Thiếu Linh, Nguyễn Phương, Hà Triều Hoa Phượng, Kiên Giang, Hoàng Khâm, tặng cường nhiều giọng ca vàng, nhiều đào kép trẻ Út Trà Ôn, Hữu Phước, Thành Được, Thanh Tú, Út Bạch Lan, Ngọc Giàu, Bích Sơn, Phương Ánh, Trang Bích Liễu, Việt Hùng, Ngọc Nuôi, Hoàng Giang, Kim Giác, Minh Điển, Văn Ngà, Kim Quang. . .

Vở tuồng *Nửa Đời Hương Phấn* của Hà Triều Hoa Phượng khai trương trong dịp đổi mới bảng hiệu này. . . Vở *Nửa Đời Hương Phấn* rất ăn khách, nêu cao tên tuổi đôi soạn giả trẻ Hà Triều Hoa Phượng. Tiếp theo đó hai anh thành công liên tiếp các vở tuồng nổi theo đó:

*Con Gái Chị Hằng, Tấm Lòng của Biển, Đêm Vĩnh Biệt, Rồi Ba Mươi Năm Sau. . .*

Hà Triều Hoa Phượng hợp soạn tuồng rất là tâm đầu ý hợp, nhưng trong cuộc sống đời thường thì hai người hai tâm tánh trái ngược nhau. Hoa Phượng có vẻ như bất cần đời, đối với anh chuyện gì cũng chẳng có gì là quan trọng. Trái lại Hà Triều cái gì cũng muốn biết, muốn thưởng thức, muốn nếm qua.

Nhắc tới Hà Triều, tôi còn nhớ nhiều kỷ niệm. Năm 1960, sau khi đổi bảng hiệu đoàn Thanh Minh thành đoàn Thanh Minh Thanh Nga, bà bầu Thơ đưa đoàn hát lưu diễn miền Trung để tập tuồng *Nửa Đời Hương Phấn*. Hà Triều Hoa Phượng theo đoàn ra Trung. Lúc đó Hà Triều mới được 29 tuổi, Hoa Phượng 27, cả hai ở tỉnh Rạch Giá mới lên Sài Gòn và đây là lần đầu tiên hai anh ra kinh thành Huế. Bà bầu Thơ mượn ba chiếc ghe lớn chở toàn đoàn đi du ngoạn, thăm lăng vua Minh Mạng, lăng Tự Đức, lăng Khải Định. Bà dặn ai đi ghe nào thì về ghe đó, trễ lắm thì 4 giờ chiều phải xuống ghe, ai đi trễ thì phải tự lo ghe mà về. Hà Triều đi chung ghe với tôi, Út Trà Ôn, Bích Sơn, vợ chồng Hoàng Giang. . . Hoa Phượng đi chung ghe với bà bầu Thơ, Thanh Nga, Hữu Phước, Thành Được. . . Cuộc du ngoạn thăm lăng tẩm, chụp hình kỷ niệm cũng vui. Chừng về thì ghe của tôi thiếu mất Hà Triều. Tôi đi kiếm, hỏi các nghệ sĩ ở hai ghe kia, không ai thấy Hà Triều. Cả Hoa Phượng cũng mất tiêu luôn. Đúng giờ anh Mười Út Trà Ôn yêu cầu cho ghe lui về vì các anh còn phải ăn uống, nghỉ ngơi để tối hát. Ghe ra xa một đôi, nhìn lại thấy Hoa Phượng, vừa đi tà tà vừa hút thuốc, coi rất thảnh thơi thoải mái. Chúng tôi yên chí là thấy Hoa Phượng rồi thì nhứt định Hà Triều cũng ở gần đó thôi. Đêm đó Hà Triều không có về đoàn. Ở xứ Huế lạ hoắc, không

tiền trong túi, không biết đường biết xá, không biết cái ông soạn giả này lạc lõng ở chỗ nào. Chúng tôi lo quá, nhưng tối rồi đành chịu, cứ bàn ra tán vào. Hoa Phượng tỉnh bơ, nói:

” *Hồng chừng nó gặp một O Huế nào rồi nó mê, kệ nó đi* “.

Hôm sau bà bầu Thơ mượn ghe, cho hai anh dàn cảnh đi trở vô Lăng kiếm, tôi đi theo. Hoa Phượng thì ở lại đoàn tập tuồng. Đến bến, lên chỗ đi vào Lăng, tôi thấy Hà Triều ngồi bên gốc cây, vẻ mỗi mệ. Thấy chúng tôi, Hà Triều cười ngoản ngoẩn:

” *Hôm qua vô Lăng Tự Đức, mình lên nhà mát của vua bên hồ Tịnh Tâm, ngày xưa vua đọc sách, chắc có nằm ngủ ở đây. Trong bụng bỗng muốn thử coi ngủ trong nhà mát của vua có cảm giác ra sao, không ngờ gió mát hiu hiu, mình ngủ quên luôn. Chừng thức giấc thì trời tối rồi, máy ông đã về hết tron, mình không có tiền, vừa đói vừa lạnh vì sương đêm trong Lăng vua lạnh lắm. Cấn răng mà chịu trận. May mà máy ông canh gác trong Lăng không đi tuần nên không thấy mình, nếu thấy chắc là lôi thôi rầy rà lắm. Dầu sao thì cũng ngủ được trên long sàng rồi, chỉ tiếc là không có Hoàng Hậu, Thứ phi hay mỹ nữ. . .* “ Nói xong Hà Triều cười hi. . . hi. . .

Tôi nói:

” *Đến cái xứ lạ mà anh sống mơ mộng lang thang như vậy là nguy hiểm lắm đó. Bà Bầu và anh em lo cho anh, mình ghé Phú Văn Lâu, chỗ đoàn đang tập tuồng, gặp mặt cho họ yên lòng* “

Hà Triều vội nói:

” *Khoan. . . khoan. . . Tụi mình đi chợ Đông Ba, cho tôi làm một tô bún bò Huế, ăn bánh khoái cho nó no cái đã. Ra rạp, nói chuyện một hồi, tôi đói xỉu à. . . Nguyễn Phương có tiền, cho mình mượn, tối trả.* “ Tôi nói để tôi đi. Hà Triều ra chợ Đông Ba, làm hai tô bún bò, mua thêm bánh khoái mang về. Hà Triều - Hoa Phượng ghi nhớ cái đêm lạc lõng trong lăng Tự Đức đó bằng một vở tuồng cải lương tựa đề *Giấc Mơng Giữa Hoàng Lăng*, hát trên sân khấu Thanh Minh Thanh Nga, Thành Được thủ vai Y sĩ Sa Tân, Thanh Nga trong vai Hoàng Hậu Ý Mỹ Thơ.

Trong những năm từ 1960 đến năm 1967, đôi soạn giả tài danh Hà Triều - Hoa Phượng lên đến tột đỉnh vinh quang. Nhiều tuồng thành công nối tiếp nhau:

*Nửa Đời Hương Phấn, Tấm Lòng của Biển, Con Gái Chị Hằng, Rồi Ba Mươi Năm Sau, Đi Biển Một Mình, Đêm Vĩnh Biệt, Giấc Mơng Giữa Hoàng Lăng, Tân Nương Thất. . .*

Hai anh có tiền bản quyền rất là nhiều, mỗi đêm chia 6% tổng số doanh thu, số tiền đó không phải là nhỏ.

Hoa Phượng đã có vợ có con nên anh ta chỉ kiếm thêm vợ bé. Anh có 4 cô vợ bé nhưng trên thuận dưới hòa vì anh chia tiền bản quyền cho các bà, bà này lãnh tiền bản quyền tuồng *Nửa Đời Hương Phấn*, bà kia lãnh tiền *Con Gái Chị Hằng*, bà khác lãnh *Rồi Ba Mươi Năm Sau. . .* Ai hên, tuồng hát nhiều đêm thì lãnh tiền nhiều, không có so đo cãi vã nhau.

Còn Hà Triều, tuy lớn hơn Hoa Phượng 2 tuổi nhưng Hà Triều chưa có vợ. Tiền tuồng thu vô nhiều quá, Hà Triều mua một chiếc xe hơi mới hiệu Peugeot, mượn tài xế,

mướn một cái villa ở dưới chợ Cầu Muối, mướn một bà bếp, một người giúp việc trong nhà. Hà Triều si mê kiều nữ Bích Sơn nhưng vì tánh của Hà Triều hay bốc đồng, tuy có tài nhưng cuộc sống không vào nề nếp. Kiều nữ Bích Sơn tuy cũng là nghệ sĩ nhưng thuộc về con nhà gia giáo, sống có mực thước, lại có bà Bích Thuận đầy kinh nghiệm ở đời, sống theo chăm sóc cho Bích Sơn nên Hà Triều trông cậy si khá lâu mà vẫn không được Bích Sơn đoái hoài tới. Hà Triều tự ái bèn đi mướn vợ về ở chung với anh ta trong cái villa của anh, vợ mướn tức là gái điếm thật đẹp, anh mướn tháng, buộc cô đó ăn nói với bạn bè của Hà Triều phải dùng thái độ và ngôn ngữ của một người vợ thật sự, chớ không phải là vợ mướn. Anh nuôi thêm một con ngựa đua đặt tên là Tô Điền Sơn, kỷ niệm võ tướng thành công Khi Hoa Anh Đào Nữ, có nhân vật Tô Điền Sơn. Hà Triều thua cá ngựa cũng nhiều. Anh nếm thử tứ đồ:thuốc phiện, gái, rượu, cờ bạc. . .

Hoa Phượng cảnh cáo: " *Mày đừng chơi với lửa, coi chừng mà bị chết cháy* ". chúng tôi nghe Hoa Phượng khuyên Hà Triều, đều tán thành ý kiến của Hoa Phượng, nên góp lời khuyên nhủ Hà Triều.

Hà Triều trả lời:

"*Tôi nhắc lên được thì tôi bỏ xuống được. Cần thử coi cảm giác của người say rượu, người ghiền á phiện, người thua bạc, người thất tình ra sao thì khi viết tuồng mới biết mà diễn tả tâm trạng đó.* " Hà Triều tự lấy thân mình làm vật thí nghiệm, khi anh hết tiền hết bạc thì cái ghiền, cái khổ đã bám vào thân. Hà Triều hết mướn vợ, thôi mướn villa, bán xe hơi, đi đâu nhứt định là đi bộ hay đi taxi chớ không đi xe vespa hay xe máy Honda. Con ngựa đua Tô Điền Sơn rồi cũng phải bán đi và Hoa Phượng, người bạn nối khố với anh cũng xa rời anh.

Hà Triều sau khi thử nghiệm sống với những cô vợ mướn, sáng tác kịch bản *Gái Điếm Vợ Hiền*. Hoa Phượng đáp lại bằng tuồng *Chồng Ngày Vợ Tháng*.

Không ai hiểu chính xác vì sao cặp bài trùng Hà Triều - Hoa Phượng bị tan rã, chỉ nghe hai người nói riêng với chúng tôi:

"*Bèo mây tan hợp là chuyện thường tình ở thế gian, hơi nào mà đi tìm hiểu vì sao* ". Xa Hoa Phượng, Hà Triều không viết vở tuồng nào thành công nữa. Anh tuyệt tích giang hồ trong nhiều năm.

Nhớ về Hà Triều, công nhận là anh có tài, có tâm hồn nghệ sĩ, nhưng quá lãng mạn và không hề nghĩ tới ngày mai. Nếu anh sống mực thước hơn, không nếm thử những của độc hại kia, đừng sống mơ mộng lang thang như đang ở trên cung trăng, tôi nghĩ là cặp bài trùng Hà Triều - Hoa Phượng còn tặng cho đời nhiều vở tuồng cải lương hay.

### **Những tác phẩm “ để đời “ của Hà Triều - Hoa Phượng:**

Người ta thường nói:

" Có tài thì có tật ", bỏ qua một bên lối sống " không giống ai " của cặp soạn giả tài danh này, chúng ta thử xem hai anh đã để lại những gì cho sân khấu cải lương?

Những tuồng cải lương xã hội mẫu mực, những tuồng cải lương hương xa, kiếm hiệp nhưng mang một nội dung triết lý thời đại, một văn phong đổi mới bộ mặt của cải

lương miền Nam, một cách cấu trúc kịch bản và cách xây dựng nhân vật kịch đáng nên nghiên cứu để làm mẫu mực cho những sáng tác phẩm cải lương.

Những tuồng viết chung của Hà Triều và Hoa Phượng:

*Khi Hoa anh đào nở, Hoa rụng đêm khuya ( hai tuồng hương xa, Nhứt Bồn ), Nửa đời hương phấn, Con gái chị Hằng, Tấm lòng của biển, Rồi 30 năm sau, Tần Nương Thất, Chiều đông gió lạnh về, Mưa rừng, Cô gái Đồ Long, Trường tương tư, kịch Sông Đà ( Nguyễn Phương chuyển thể cải lương ), Tâm Sự Loài Rong Biển, Tàu ra xứ Huế.*

Sau vở tuồng *Tàu Ra Xứ Huế*, Hà Triều không cùng với Hoa Phượng viết chung nữa (năm 1964), anh lo nuôi ngựa đua, đặt tên ngựa là Tô Điền Sơn. Thời gian này, Hà Triều sáng tác một mình, vở tuồng *Đôi Nhân Tình Khùng* hát trên sân khấu Thanh Minh Thanh Nga, không thành công.

Hoa Phượng lập một nhóm sáng tác khác, hợp soạn với Ngọc Diệp vở *Tuyệt Tình Ca* (tức *Ông Cò Quận 9*), Hoa Phượng ( hợp soạn với Hoàng Việt, Loan Thảo ) sáng tác thêm *Tuyệt Tình ca 2, Tuyệt Tình ca 3* tức *Nỗi Buồn Con Gái, Khói Sóng Tiêu Tương, Sương mù trên non cao, Mây bốn phương trời, Bụi mờ ả nhạn, Giữa chốn bụi hồng, Đường gươm Nguyên Bá.*

Sau 1975, nhóm Hoa Phượng ( Hoa Phượng, Hoàng Việt, Thế Hà Vân ) viết vở *Thái Hậu Dương Vân Nga* cho nhà hát Trần Hữu Trang. Hoa Phượng hợp tác với Kiên Giang và Nguyễn Phương viết tuồng *Trương Chi Mỹ Nương* cho đoàn cải lương Tây Ninh,, hợp tác với Bảy Phát và Hữu Lộc viết tuồng *Nàng Tiên Y Ban*, và hợp tác với Hoàng Việt viết tuồng *Hạt Bụi và Non Cao*. ( lúc cuối đời của Hoa Phượng. )

Hà Triều sau 1975, viết vở *Phụng và Hoàng*, hát trên sân khấu đoàn cải lương Sài Gòn 3 được ba xuất hát, không ăn khách. Hà Triều viết thêm hai vở:

*Cô Bé Ba và Những Nấc Thang*, nhưng không có đoàn nào hát.

### **Nhân Vật trong tuồng của Hà Triều – Hoa Phượng.**

Hà Triều - Hoa Phượng khai thác những chuyện tình yêu và tình cảm gia đình nhưng trình bày được nét mới chớ không trùng lặp vở này với vở kia. Những nhân vật trong tuồng gặp ngang trái trắc trở về tình duyên nhưng số phận của mỗi người đều rất riêng, không lẫn lộn vào nhau được. Cô Hương, ( tức là The, tên ở dưới quê ) trong *Nửa Đời Hương Phấn* với chị Hằng ( trong *Con Gái Chị Hằng* ) là những phụ nữ bất hạnh trên đường tình nhưng giàu đức hy sinh và lòng nhân hậu. Cô Tuyền ( trong *Mưa Rừng* ) và cô Tần ( trong *Tần Nương Thất* ) là mẫu người phụ nữ có trái tim yêu thương mãnh liệt và tâm hồn yếu đuối mơ mộng nên dễ dàng chước lấy khổ đau.

Cô K'Lai ( *Mưa Rừng* ) và cô Diệu ( *Nửa Đời Hương Phấn* ) là những thiếu nữ ngây thơ trong trắng nhưng không thành công trên đường mưu cầu hạnh phúc. Nhân vật Đánh ( *Tần Nương Thất* ), thầy cai Khanh ( *Mưa Rừng* ) và nhà văn Long ( *trong Rồi Ba Mươi Năm Sau* ) là những thanh niên từng trải, kinh nghiệm đời, những nhân vật tưởng là giống nhau nhưng số phận của họ rất khác nhau.

Một ví dụ khác về nhân vật trong tuồng *Mưa Rừng* của Hà Triều Hoa Phượng: Người điên chỉ xuất hiện có vài phút ngắn ngủi, lời thoại chỉ là một tiếng hú không ra người. Tiếng hú uất ức của người chồng bị phản bội và sau đó là tiếng kêu thảm thiết của đứa con gục chết trước họng súng của cha mình. Sự hiện diện và cái chết của người điên chấm dứt cái bi kịch không lối thoát của các nhân vật khác đồng thời mở ra một bi kịch mới: cô Tuyền được giải thoát khỏi người chồng điên loạn nhưng lương tâm của cô mãi mãi bị dằn vặt bởi mặc cảm tội lỗi. Tình yêu tuyệt vọng của Khanh đột ngột được đền bù khi Tuyền không còn bị ràng buộc vì người chồng điên nữa, nhưng Khanh tự trọng và trắc ẩn trước cái chết của người điên, chàng từ chối hạnh phúc, bỏ ra đi. . . Đó, một nhân vật điên, không có lời thoại lại là nhân vật thắt nút và mở nút cốt chuyện, khiến cho khán giả đã xem qua *Mưa Rừng*, không thể không nhớ đến hình ảnh của nhân vật điên đó.

Tuồng của Hà Triều - Hoa Phượng rất ít nhân vật, trong khoảng từ năm đến bảy người. Cái tài của Hà Triều - Hoa Phượng là xây dựng được một cốt chuyện hấp dẫn với một số ít nhân vật, đóng khung trong một thế giới nhỏ nhắn nhưng đưa ra được một vấn đề nhân sinh to lớn.

Cái lợi thế của tuồng ít nhân vật là diễn viên đóng tuồng này đều là những nghệ sĩ thượng thặng. Tuồng được nhiều đoàn xử dụng cũng chính là do ưu thế tuồng có ít nhân vật. Nhân vật nào cũng có nhiều “đất” và “thời gian” để ca diễn nên hình thức cấu trúc tuồng ít nhân vật cũng là một yếu tố giúp cho sự thành công của diễn viên và của soạn giả Hà Triều - Hoa Phượng.

Một đặc điểm đáng chú ý nữa là thời gian của cốt chuyện kịch được rút ngắn, cô đọng. Thông thường các tuồng cải lương hay hát bội không áp dụng theo luật Tam Duy Nhất như kịch cổ điển của Pháp: (Thời gian duy nhất, không gian duy nhất, hành động duy nhất) nên chuyện tuồng kéo dài nhiều chục năm hoặc qua nhân vật của vài thế hệ nối nhau, qua nhiều địa điểm khác nhau để giải quyết cho xong mọi mâu thuẫn ân, thù. Chuyện tuồng của Hà Triều - Hoa Phượng chỉ gói gọn trong mười ngày, một khoảng thời gian ngắn ngủi nhưng đậm đặc, chỉ mười ngày thôi nhưng nó trĩu nặng bằng mấy mươi năm. Cái hay của Hà Triều - Hoa Phượng là khéo chọn được một thời điểm có ý nghĩa nhất có khả năng soi sáng quá khứ và hé mở tương lai của nhân vật. Khoảng thời gian này là hiện tại, không có hồi tưởng hay phục hiện trong tuồng của Hà Triều - Hoa Phượng. Do đó tuồng tránh được cái dài lê thê, kịch tính của vở dồn dập hơn, lôi cuốn hơn.

Ví dụ: tuồng *Rồi Ba Mươi Năm Sau* là chuyện ân oán kéo dài hai thế hệ. Vở diễn bắt đầu khi nhà văn Long đoạt giải thưởng văn chương, vừa thành đạt, nhà văn Long đã nghĩ đến việc trả thù mà anh coi đồng nghĩa với việc trả hiếu cho cha. Và chỉ trong mười ngày đó, câu chuyện ân oán của ba mươi năm được phơi bày ra trước mắt khán giả. Và nhân vật đi suốt cuộc hành trình ân, oán, chỉ trong mười ngày.

Vở *Tần Nương Thất*, vở *Nửa Đời Hương Phấn*, nhân vật Tần, nhân vật Hương chỉ trong khoảng khắc mười ngày đề đổi thay từ bông bột, nông nổi trở thành đầm thắm hơn và nhận ra chân lý của hạnh phúc không phải chỉ gói gọn trong cái chữ “ tiền “.

Trong phạm vi của một bài báo, viết về hai soạn giả tài danh Hà Triều - Hoa Phượng là không thể nói được nhiều, không nói được cái hay nhất, quan trọng nhất như bút pháp của Hà Triều - Hoa Phượng. Văn Chương nhẹ nhàng, trau chuốt, nhiều hình tượng đẹp, được coi như mở cho một lối mới của văn chương tuồng cải lương trong những thập niên 1950, 1960, 1970.

Sau năm 1975, cả Hà Triều và Hoa Phượng đều không viết được những vở tuồng hay như ngày xưa. Nhân vật tuồng trước 1975 là những người bình thường với những mối tình chung thủy, dù gặp những khó khăn trở ngại do sự thù hận của hai gia đình hay vì không môn đăng hộ đối, họ vẫn phấn đấu để được yêu nhau. Nếu không được thì họ vẫn thủy chung với mối tình dang dở đó. Khán giả ngày xưa thích những cuộc tình bình dị, gần gũi với cuộc đời thường, họ tìm thấy hình ảnh của chính họ hay bạn bè thân thuộc qua các nhân vật tuồng đó.

Sau 1975, nhân vật tuồng, kịch được “**định hướng theo xã hội chủ nghĩa** “, ( trong khi đó thì chưa có xã hội chủ nghĩa nên chỉ là nhân vật theo lý thuyết của nhà cầm quyền chỉ thị ) nhân vật đó không tìm thấy trong công chúng, nhất là những cán bộ đang quyền thì đa số độc tài, tham nhũng, một hình tượng mà dân chúng chán ghét. Hà Triều - Hoa Phượng dù có tự ép mình, cố gắng cách nào cũng không làm cho khán giả thích nhân vật tuồng sau 1975.

Đã qua rồi cái thời của những hình tượng thân thương như cô Hương, Chị Hằng, cô Tần, cô K, Lai. . . . Và điều đó chứng tỏ là mấy chục năm sau 1975, người ta vẫn hát lại và khán giả vẫn ưa thích các vở tuồng như *Nửa Đời Hương Phấn*, *Tám Lòng Của Biển*, *Tần Nương Thất*, *Con Gái Chị Hằng*, *Rồi Ba Mươi năm sau*. . .

Nghe tin Hà Triều qua đời, tôi buồn lắm. Tôi mới nghe lại cuốn băng cassette thâu ở đoàn Thanh Minh Thanh Nga năm 1964, tuồng *Giấc Mơng Giữa Hoàng Lăng*, tuồng mà Hà Triều cảm hứng khi anh ta ngủ quên trong nhà mát Hồ Tịnh Tâm ở Huế mà tôi có kể qua. Tôi nghe băng, tôi thấy có một đoạn nói lên được quan niệm sống của Hà Triều và nó cũng thể hiện cái bay bướm, cái cách viết văn tuồng cải lương của Hà Triều - Hoa Phượng. Tôi ghi chép lại đây để quý đọc giả cùng thưởng thức.

Đoạn này là lời của một vị vua thuyết phục một cô gái đẹp khi cô này còn ngần ngại trước những hiến dâng của vương giả:

*Nàng khéo lo thì thôi. . . Một ngày, gió kia còn thổi xoay vần bốn hướng, và những lâu đài đã chết trong lòng đất cũ, nhờ một trận bão cát bỗng hiện ra như một sứ giả của muôn đời. Những vườn xưa hoa thắm, lá tươi, thoát bị chôn vùi dưới lòng sâu sa mạc. . . Ô hô. . . Tất cả đều đổi thay trong chốc lát thì nói chi đến lòng dạ của chúng ta. . . Đừng tương tư dĩ vãng! Đừng hoài vọng tương lai! Cái xuân xanh thắm thoát có bao ngày? Sự sống chui qua tay như từng giọt nước. hãy vốc nhanh và uống hết cho thỏa lòng thèm khát điên cuồng. . .*

Ý tưởng bộc lộ trong câu văn kể trên có thể nói đó là quan niệm sống của Hà Triều. Anh đã nằm ngủ trong ngôi nhà mát ở Hồ Tịnh Tâm ở lăng tẩm Huế để mà suy nghĩ một quan niệm sống cho mình và đã viết ra trong vở *Giấc Mơng Giữa Hoàng Lăng*.

Năm 2000, vợ chồng tôi về thăm quê hương, chúng tôi đi viếng thăm nhiều bạn bè cũ, trong đó có Hà Triều. Anh ở trong một cái phòng nhỏ trên lầu khách sạn cũ của rạp Hưng Đạo, độ 16 thước vuông, chỉ để được một cái giường, một kệ sách, một cái võng, réchaud dầu nấu cơm và xô nước để dưới đất. Chúng tôi hỏi cuộc sống của anh như thế nào. Anh cho biết nhiều đoàn hát các tuồng cũ của anh và Hoa Phượng nhưng không có trả bản quyền, lương hưu trí của anh chỉ được 170.000 đồng, không đủ sống, nhưng phải liệu cơm gắp mắm, bây giờ ai cũng khó khăn, không ai giúp được ai. Khi hỏi tại sao anh không xin vào ở trong viện dưỡng lão nghệ sĩ, anh cười nói:

*” Tôi không xin ai cái gì cả, xin người ta, mất thể diện của mình “*

**Hà Triều mất ngày 11 tháng 5 năm 2003, Hoa Phượng mất trước đó, ngày 22 tháng 10 năm 1984 . Gần hai mươi năm sau ngày Hoa Phượng mất, Hà Triều mới lóit tót chạy theo lên thiên đàng tìm kiếm người bạn tâm đầu ý hợp ngày xưa. . .**

Nói tới Hà Triều là tôi nhớ tới Hoa Phượng, và ngược lại nói tới Hoa Phượng không thể không nhắc tới Hà Triều. Những kỷ niệm trong cuộc sống đời thường thì nhiều lắm, nhưng sâu lắng nhất là những kỷ niệm văn nghệ, chúng tôi tranh đua nhau, nể phục nhau, học hỏi lẫn nhau. Nhắc đến những tác phẩm thành công của Hà Triều - Hoa Phượng, cá nhân tôi cũng hãnh diện lây và vui vì có những người bạn đã góp công làm cho nghệ thuật cải lương được khởi sắc hơn, vững mạnh hơn.

Hai người bạn trẻ Hà Triều - Hoa Phượng xứng đáng có một chỗ ngồi danh dự trong ngành sân khấu cải lương.

## 7- Soạn giả Viễn Châu hay Nhạc Sĩ Bảy Bá, đàn tranh.



Trong chương viết về các nhạc sư, nhạc sĩ cổ nhạc ( cải lương ) các thập niên 1940 đến 1970, tôi không biết nên trân trọng mời nhạc sĩ đàn tranh Bảy Bá ngồi ở hàng ghế danh dự nào. Vì một lẽ giản dị là anh Bảy Bá là một người nghệ sĩ “ đa tài “, với ngón đàn tranh tươi mượt, với sự hiểu biết sâu sắc về cổ nhạc và tân nhạc, anh Bảy Bá xứng đáng được tôn vinh là một nhạc sư, một danh thủ đàn tranh không thua gì danh cầm đàn tranh Sáu Quý; với tài viết lời ca vọng cổ thì anh Bảy Bá tức là soạn giả Viễn Châu là một bậc thầy được tôn vinh là Vua viết lời ca bài vọng cổ; với khả năng viết tuồng cải lương, anh đứng trong hàng ngũ các soạn giả tài danh có nhiều tuồng “ ăn khách “ nhất; Bảy Bá

( Viễn Châu ) là một thi sĩ “ ngoại hạng “, tuy không mang danh là thi sĩ như Kiên Giang, như Xuân Diệu, Nguyễn Bính. . . v. v. . . nhưng anh đã viết hàng ngàn câu thơ hay trong các bài ca vọng cổ của anh. Với hơn 200 bài vọng cổ hài hước, Bảy Bá chẳng những mang lại nụ cười hóm hỉnh cho thính giả bốn phương mà còn giúp tư liệu không ít cho các nhà xã hội học tìm hiểu những thói hư, tật xấu rởm đời bị xã hội chê cười trong vòng nửa cuối thế kỷ vừa qua.

**Viễn Châu là người đề xướng ra bài vọng cổ Tân Cổ Giao Duyên**, đã gây ra một cuộc tranh luận sôi nổi trên các báo chí, trang kịch trường trong hai thập niên 60, 70.

**Nhạc sĩ đàn tranh Bảy Bá tức soạn giả Viễn Châu tên thật là Huỳnh Trí Bá**, sinh năm 1924, tại xã Đôn Châu, tỉnh Trà Vinh. Cha mẹ anh làm ruộng, làm rẫy, chỉ đủ sống vì nhà quá đông con. Anh là đứa con thứ bảy trong gia đình nên khi anh thành danh nhạc sĩ, người trong xóm và các bạn trong nhóm đàn ca tài tử gọi anh là Bảy Bá. Bảy Bá có khiếu viết văn, làm thơ và ham thích âm nhạc từ nhỏ. Sau khi học hết lớp năm, thi lấy bằng cấp sơ học ( CEPCI ) anh nghỉ học, ở nhà giúp cha mẹ trong việc ruộng rẫy, những khi rảnh rỗi anh theo các bạn đi học đàn ca cổ nhạc. Anh học biết điệu đàn kìm. Theo lời anh kể thì trong nhóm đờn ca tài tử trong xã của anh có một anh có tiền, thích đờn tranh, rước một ông thầy mù về dạy anh đờn tranh. Bảy Bá không tiền mua đàn nhưng rất thích đàn tranh nên mỗi khi ông thầy dạy cho anh bạn thì Bảy Bá đứng gần đó nghe, học lóm. Thời đó nhạc tài tử ở quê anh, người ta thường dùng đàn kìm, đàn cò, đàn guitare phím lõm, không mấy ai biết đàn tranh. Bảy Bá có năng khiếu âm nhạc, ông thầy dạy bạn anh, bạn anh học hoài mà không thuộc, ngón đờn lọng cọng khó khăn, Bảy Bá chưa từng rờ tới cây đàn tranh đó, chỉ nhìn theo ngón đờn của ông thầy, nghe lời dạy, nhớ chữ đờn, anh thuộc hết những bài bản, ngón đờn của ông thầy dạy và khi người bạn cho anh mượn cây đờn, anh đã đờn hay tới nỗi ông thầy đờn mù lắng nghe, tức giận, nói:

” Mấy đờn ngón đờn còn tươi mượt hơn tao mà mấy giả vờ rước tao về dạy cho mấy. Phải là mấy muốn giỡn mặt tao không ? “Ông thầy mù tưởng lầm người mới vừa đờn là người học trò mà ông đã dạy mấy tháng qua. Bảy Bá phải lên tiếng để ông nhận người vừa đờn là ai và Bảy Bá công nhận là anh đã học lóm của ông thầy mấy tháng qua. Người bạn anh chán ngán việc học đàn tranh vì thấy khó mà đờn cho hay nên anh cho Bảy Bá cây đàn. Từ đó Bảy Bá đêm ngày tự luyện ngón đờn, vì biết cổ nhạc sẵn, lại có năng khiếu và chuyên cần, Bảy Bá nổi tiếng danh thủ đàn tranh khi anh được 15 tuổi. Bảy Bá được anh em tôn lên làm nhạc trưởng đàn nhạc tài tử và được mời đến đờn ca trong các đám tiệc quan, hôn, tang, tế và các buổi hòa ca cổ nhạc ở địa phương. Nhạc sĩ Sáu Quý, danh thủ đàn tranh của đoàn cải lương Con Tằm, nhân dịp về Trà Vinh thăm nhạc sư Hai Phát, nghe tiếng đờn, bèn tìm đến nhà Bảy Bá ở Đôn Châu. Sáu Quý nghe Bảy Bá đờn và ông khen Bảy Bá là một nghệ sĩ có tài năng bẩm sinh, tương lai vô cùng rực rỡ trong lãnh vực cải lương và cổ nhạc.

Ngày nay đã 80 tuổi, nhớ lại ngày khởi nghiệp cầm ca, Bảy Bá nhắc lại lời khen của danh cầm Sáu Quý mà anh cho là lời động viên, khuyến khích quý báu nhất, đã giúp cho anh mạnh dạn ra đi để lập nên sự nghiệp và thỏa mãn nỗi đam mê nghệ thuật của anh.

Khi cha mẹ anh mất, anh để cho các anh chị thừa hưởng gia sản, tiếp tục công việc ruộng rẫy, một mình với cây đàn tranh, anh lên Sài Gòn kiếm việc làm và tạo lập tương lai. Đến Sài Gòn, nhờ có ngón đàn tươi mát, sắc sảo, anh được các bạn mới trong giới nhạc sĩ giới thiệu đi đờn ca trong các tiệc vui và đi đờn cổ nhạc ở Đài Pháp Á. Tuy thỏa mãn nỗi đam mê nghệ thuật nhưng cuộc sống của Bảy Bá thiếu thốn, đói rách như các nghệ sĩ nghèo khác. Sống lang thang, nay ngủ nhờ nhà bạn này, tháng sau đến xóm khác, chỉ có cây đàn tranh là bạn chung thủy chia sẻ với anh niềm vui nỗi buồn. Khi được báo chí phỏng vấn anh, hỏi anh có kỷ niệm nào sâu sắc nhất trong buổi thiếu thời thì anh lấy ra một cái hộp gỗ cẩn ốc xa cừ mà anh cất trang trọng trong hộc tủ của bàn thờ cha mẹ anh. Trong hộp gỗ đó, anh cất giữ một tờ giấy “ Một Đồng Bạc Đông Dương “ mà anh đã gìn giữ như một báu vật đã nửa thế kỷ rồi. Anh xúc động, không ngăn được giọng lệ khi nhắc lại lai lịch của tờ giấy bạc một đồng Đông Dương đó:

*“ Năm 1940, khi mới tới Sài Gòn được vài tháng, tôi được các bạn nhạc sĩ đưa đi đờn ca trong một tiệc cưới ở Giồng Ông Tố. Đêm đó đờn ca quá khuya, tôi mệt mỏi, ngủ quên, khi thức giấc thì các bạn nhạc sĩ đã trở về Sài Gòn lúc nào không biết, tôi tới xứ lạ quê người, không biết đường biết xá, không quen biết ai cả mà trong túi lại không có tiền, không biết làm sao để trở về Sài Gòn. Tôi vừa đói, khát, lại vừa sợ, không biết làm sao xoay sở, tôi ôm cây đàn tranh, đi loanh quanh từ chợ ra tới vệ đường, gần cây cầu đúc, hy vọng gặp một người quen biết nào đó có thể giúp tôi, nhưng thật là thất vọng. Tôi ôm cây đàn, ngồi trên bực xi măng của cây cầu đúc, gục mặt suy nghĩ coi phải làm sao đây. Bỗng có một người vỗ vai tôi, hỏi tôi có chuyện gì buồn mà ra ngồi ở trên cây cầu này? Có lẽ ông tưởng tôi thất tình hay buồn việc chi có thể nhảy xuống sông tự vận nên vừa hỏi chuyện tôi, ông vừa dịu tôi trở lại chợ. Ông nói ông muốn đi ăn hủ tiếu, ông mời tôi ăn với ông cho vui. Khi tôi nói thiệt hoàn cảnh vợ của tôi, ông đãi tôi ăn rồi*

nhét vô túi tôi một đồng bạc, đồng bạc Đông Dương này đây, rồi ông dẫn tôi lại một người đánh xe ngựa, trả tiền xe và biểu chở tôi về Sài Gòn, chỗ bến xe ngựa, bên hông ga xe lửa. Về tới đó là tôi biết đường rồi, tôi mừng quá, cảm ơn ông luôn miệng, nhưng sao tôi ngu quá hay là quá bối rối mà quên hỏi tên ông, cũng không biết là ông nhà ở đâu. Tôi về Sài Gòn, không dám xài đồng bạc quý giá này, khi tôi được ông Sáu Quý giới thiệu vô đồn cho đoàn Việt Kịch Năm Châu, có công ăn chuyện làm, có chút đỉnh tiền bỏ túi, tôi trở về Giồng Ông Tố kiếm ông ân nhân của tôi nhưng mà không biết hỏi ai, anh đánh xe ngựa cũng đi đâu mất, thành ra không làm sao đền ơn đáp nghĩa được. Tôi có viết truyện ngắn, làm thơ đăng báo nên có đăng câu chuyện thật của tôi, hy vọng ông ân nhân của tôi đọc, biết mà liên lạc với tôi. Nhưng năm mười năm rồi, tôi không kiếm được người đã gia ơn cứu giúp tôi trong cơn nguy khốn đó, tôi nghĩ có lẽ ông đã ra người thiên cổ rồi, tôi để Đồng Bạc ơn nghĩa này trong cái hộp như một gia bảo và để chung trong tủ thờ cha mẹ tôi, tôi thờ ông trong tâm tưởng của tôi. Những dịp làm công việc từ thiện, đồn ca gây quỹ cứu trợ người nghèo đói thương tật hoặc bị thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, tôi tham gia tích cực và coi như noi gương của người ân nhân ẩn danh của tôi. “

Năm 1943, Bảy Bá theo đoàn Việt Kịch Năm Châu lưu diễn từ Nam ra Bắc. Trong dịp này Bảy Bá được anh Năm Châu chú ý nhờ tài làm thơ, viết truyện ngắn đăng báo của anh nên khuyến khích và giúp đỡ anh trong việc soạn tuồng cải lương.

Nhạc Sĩ Bảy Bá nổi danh trong lãnh vực soạn tuồng dưới nghệ danh Viễn Châu.

Năm 1950, Bảy Bá bắt đầu viết tuồng, vở tuồng đầu tiên tựa lá *Nát Cánh Hoa Rừng*, nghệ danh soạn giả Viễn Châu. Anh cho biết quê anh ở xã Đôn Châu, mà hiện nay thì anh xa quê, ở nơi viễn xứ, nên anh lấy chữ Viễn, chữ đầu của Viễn xứ, cộng với chữ chốt trong tên xã Đôn Châu, thành ra Viễn Châu để mãi mãi nhớ về quê hương nguồn cội của anh.

Vở *Nát Cánh Hoa Rừng* cảm tác từ chuyện đường rừng của Khái Hưng và được nghệ sĩ tiên phong Năm Châu đứng ra làm đạo diễn nên tuy là vở tuồng sáng tác đầu tay nhưng soạn giả Viễn Châu đã gặt hái được thành công rực rỡ. Kế tiếp, trên sân khấu Việt Kịch Năm Châu, các soạn phẩm của Viễn Châu như *Tấm Cám*, *Khoai Lang Dương Ngọc*, *Thạch Sanh Lý Thông*, *Lâm Sanh Xuân Nương* cũng đạt được doanh thu đáng kể cho đoàn Việt Kịch Năm Châu trong những năm 1950, 51, 52.

Kể về kỷ niệm thời kỳ này, soạn giả Viễn Châu rất xúc động, nói:

“Tôi may mắn được gia nhập vào một sân khấu nghiêm túc, kỷ cương chặt chẽ, có nhiều nghệ sĩ tài hoa; được học hỏi nhiều ở các bậc đàn anh như Năm Châu, Năm Nở, cho nên con đường đến với sân khấu cũng được suông sẻ, mau nổi tiếng. “

Sau đó, anh tự nhận xét là khi mới bắt đầu viết tuồng, anh chưa nghĩ ra được cốt chuyện nên dùng những chuyện cổ tích mà mọi người đều biết giống như bên hát bội hay cải lương tuồng Tàu, người ta soạn tuồng dựa vào chuyện Tam Quốc, chuyện Thuyết Đường, Tiết Nhơn Quý chinh đông, Tiết Đinh San chinh tây. . . Với cốt truyện

cổ tích được nhiều người biết, người viết chỉ cần có văn chương tươi mát, trữ tình và viết vui vui, hài hước một chút là dễ được khán giả chấp nhận thưởng thức.

Cuối năm 1955, khi bộ tứ giám đốc Út Trà Ôn, Thanh Tao, Kim Chưởng, Thúy Nga hợp lại lập nên đoàn cải lương **Kim Thanh – Út Trà Ôn** thì soạn giả Viễn Châu được mời về làm soạn giả thường trực. Trên sân khấu Kim Thanh, Viễn Châu thành công với các tuồng:

*Tình Vương Hoa Thắm, Sau Bức Màn Nhung, Đời Cô Nga, Tiếng Đàn Trong Ngục Tối, Tình Mẫu Tử.*

Năm 1960, Viễn Châu về hợp tác với đoàn Thanh Minh rồi Thanh Minh Thanh Nga. Thời gian này anh Viễn Châu và tôi hợp soạn các tuồng *Đời Hai Mặt, Thầy Cai Tổng*



Viễn Châu-Nguyễn Ang Ca

*Bồi, Chén Cơm Đô Thành*, và theo yêu cầu của bà BẦU Thơ, chúng tôi không đứng tên trên ba soạn phẩm kể trên mà ghi là tác giả Bảo Quốc, vừa là kỷ niệm ông BẦU Nghĩa, người anh, người bạn của chúng tôi, vừa giúp quảng cáo cho Bảo Quốc khi cháu vừa chập chững bước lên sân khấu. Sau đó Viễn Châu hợp soạn với soạn giả Ngọc Huyền Lan tức ký giả Nguyễn Ang Ca các vở *Hoa Mộc Lan, Con Gái Hoa Mộc Lan, Thiên Thần Trên Thiết Mã. . .*

Sự nghiệp sáng tác tuồng cho sân khấu cải lương của Viễn Châu có thể có khoảng trên dưới 50 vở mà tôi còn nhớ được một số vở như: *Tình Mẫu Tử, Đời Cô*

*Nga, Sau Bức Màn Nhung, Hoa Mộc Lan, Con Gái Hoa Mộc Lan, Quân Vương và Thiếp, Hàn Mạc Tử, Ai Diên Ai Tĩnh, Nợ Tình, Qua Cơn Ác Mộng, Khoai Lang Dương Ngọc, Thạch Sanh Lý Thông, Nát Cánh Hoa Rừng. . .* Khán giả ưa thích sản phẩm của Viễn Châu không phải vì cốt chuyện tình tiết ly kỳ mà vì câu chuyện tuồng tích quen thuộc với lời văn trau chuốt, trữ tình, dễ hiểu.

Có thể nói tài viết lời ca vọng cổ của Viễn Châu đã quá nổi bật, quá sáng chói nên đã làm lu mờ tên tuổi Viễn Châu trên địa hạt tuồng cải lương.

### **Soạn giả Viễn Châu: Vua của những vì Vua và bà Hoàng Trên sân khấu cải lương**

Dân ghiền cải lương thường phong cho Út Trà Ôn là Vua Vọng Cổ, Văn Hường là Vua Vọng Cổ Hải, Út Bạch Lan là Nữ Hoàng vọng cổ, Viễn Châu được phong là Vua viết lời ca bài Vọng Cổ. Theo tôi nghĩ Viễn Châu phải được phong là Vua của các vì Vua sân khấu, giống như bà BẦU Thơ được mệnh danh là Bà BẦU của những ông BẦU bà BẦU cải lương.

Quả thật là vậy, các nghệ sĩ thành danh, được phong ngôi vị vương giả trên sân khấu cải lương đều nhờ vào bài ca vọng cổ của Viễn Châu.

Anh Út Trà Ôn, Vua vọng cổ, khởi đầu được khán giả thích qua các bài *Tôn Tãn giả điên, Thái Sư Văn Trọng giáng thập điều*, nhưng mãi về sau người ta nhớ và nhắc Út Trà Ôn qua các bài vọng cổ *Tình Anh Bán Chiếu, Ông Lão Chèo Đò, Sầu Vương Ý Nhạc* của Viễn Châu ( và rất nhiều bài vọng cổ của Viễn Châu mà anh Út Trà Ôn ca, thu vô đĩa Asia, Hồng Hoa, Việt Hải, Continental. . . ).

Út Bạch Lan khi mới vào đoàn Kim Thanh – Út Trà Ôn thì chỉ làm thế nữ, quân hầu, Viễn Châu viết vọng cổ thêm vô tuồng *Tình Vương Hoa Thắm*, giới thiệu giọng ca của Út Bạch Lan. Sau đó, anh Viễn Châu viết nhiều bài ca vọng cổ và hướng dẫn cho Út Bạch Lan ca trên các hãng đĩa Asia, Hồng Hoa, Continental, Việt Nam, Việt Hải. . . Từ đó Út Bạch Lan nổi danh là Nữ Hoàng Vọng Cổ.

Văn Hường cũng được Viễn Châu khám phá tài năng nhân buổi tiệc nhậu đàn ca trong giải trí trường Thị Nghè, sau đó Viễn Châu viết hơn 200 bài vọng cổ hài hước, tạo cơ hội cho Văn Hường chiếm ngôi vị độc tôn trong lãnh vực ca hài. Hề Sa cũng nhờ vào những bài vọng cổ hài của Viễn Châu mà nổi danh. . .

Các khôi nguyên vọng cổ từ thập niên 1960 trở về sau này như Minh Vương, Minh Cảnh, Minh Phụng, Mỹ Châu, Lệ Thủy, Thanh Tuấn đều ca các bài vọng cổ của Viễn Châu khi đi thi ca vọng cổ và nhờ đó mà đoạt các giải khôi nguyên.

Các lò dạy cổ nhạc của các nhạc sư, nhạc sĩ Út Trong, Hai Khuê, Văn Vĩ, Bảy Quới, Tấn Nhì, Văn Giỏi, Vũy Chỗ, Ba Tu, Kim Anh, Hoàng Huệ, Văn Còn, Thanh Hải. . . đều dùng các bài vọng cổ của Viễn Châu sáng tác làm bài mẫu để dạy ca cho học trò. Các nghệ sĩ tài danh các thập niên 1960, 1970, 1980, ngoài những thành tích đạt được về ca và diễn trên sân khấu, còn nhờ vào việc ca thu thanh trên đĩa nhựa, được Đài Phát Thanh, Đài Truyền Hình loan tải đi khắp cả 4 vùng chiến thuật, đến tận các làng mạc xa xôi. Khi ca vọng cổ thu đĩa, ba phần tư các bài được các nghệ sĩ đó thu thanh là sáng tác phẩm của Viễn Châu, có thể nói là nhờ vào các bài vọng cổ đó mà nghệ sĩ phát triển thêm khả năng ca, luyến láy, đánh bóng, điểm tô thêm vùng hào quang danh vọng của mình trong lãnh vực ca vọng cổ và trên sân khấu.

Người ta nhắc nhở và khen ngợi Hữu Phước và Thành Được trong bài vọng cổ *Cao Tiệm Ly tiễn Kinh Kha*; Hữu Phước được mệnh danh giọng ca vàng qua các bài vọng cổ của Viễn Châu như *Tần Quỳnh khóc bạn, Mục Liên tìm Mẹ, Nhứt Ký Đồi Tôi, Lá Bàn rơi. Đêm Tái Ngộ*. . . Thành Được và Út Bạch Lan được nhắc nhở hoài qua các bản *Hoa Lan Trắng, Thương Về Xứ Huế, Vợ Tôi Đi Lấy Chồng*. . . Hương Lan nổi danh trong bài *Đời Nghệ Sĩ*, Mỹ Châu, Thanh Nga, Ngọc Giàu, Hồng Nga, Kim Ngọc, Thanh Hải, Hùng Cường, Dũng Thanh Lâm, Thanh Tú, Trang Bích Liễu, Thanh Tuấn, Tuấn Thanh, Hoài Thanh, Đỗ Quyên. . . , nói chung những nghệ sĩ cái lương tài danh các thập niên 1960, 1970, 1980 đều có ca các bài vọng cổ của Viễn Châu sáng tác, thu đĩa cho các hãng đĩa lớn như Asia, Hồng Hoa, Việt Nam, Sơn Ca, Việt Hải, Continental, Capitol, Quê Hương, Sóng Nhạc.

Sau này trong các **chương trình Vàng Trăng Cổ Nhạc, Sân Khấu vào Học Đường, Câu Lạc Bộ ca tài tử**, các nghệ sĩ thế hệ thứ ba như Kim Tử Long, Tài Linh, Vũ Linh, Ngọc Huyền, Trinh Trinh, Hữu Quốc, Quế Trân, Thanh Hằng, Thanh Ngân, Thanh Thanh Tâm, Phương Hồng Thủy, Thoại Miêu, Thoại Mỹ. . . đều có ca các bài vọng cổ của Viễn Châu sáng tác trước và sau 1975. Các nghệ sĩ hải ngoại cũng được khán giả yêu chuộng qua các bài vọng cổ của Viễn Châu như Hà Mỹ Hạnh và Phương Thanh trong bài *Kiếp Cầm Ca*, Hữu Phước và Hà Mỹ Hạnh trong *Chuyện Hẹn Hò*, Phương Thanh và Bích Ngọc trong bài *Cô Lái Đò Bến Hạ*, Hương Lan và Phương Thanh trong *Căn Nhà Ngoại Ô*. Nữ ca sĩ tân nhạc Thanh Tuyền lần về Việt Nam thăm quê hương cũng tìm đến Viễn Châu nhờ anh viết bốn câu vọng cổ “ *Xin Trả Tôi Về Quê Hương Ngày Cũ* “ để thu trong băng video 36 năm tiếng hát Thanh Tuyền.

Viễn Châu viết vọng cổ, mỗi vế ca đều viết theo khuôn khổ, có vần điệu, số chữ vừa theo chữ đờn; đó là điều cơ bản giúp cho việc dạy ca và học ca được dễ dàng và có kết quả. Viễn Châu là nhạc sĩ và cũng là thi sĩ nên các bài vọng cổ là thơ và nhạc, có chất liệu văn học, mỗi câu hát lời ca, mỗi nhân vật của Viễn Châu đều được anh gửi gắm chút niềm tâm sự, một chút tình, - thứ tình cảm lãng mạn trong một tâm hồn đa tình, lãng tử. Tình cảm đó, có khi là một chút hình ảnh của quê hương có ánh sáng lập lòe của bầy đom đóm, có tiếng gà trưa lẫn tiếng chuông chùa công phu văng vẳng, có khi là hình ảnh những người nông phu bình dị mà anh bất ngờ bắt gặp trên đường đời mà nổi bất hạnh, nổi buồn khổ của họ hay chuyện tình nên thơ mà dang dở của họ đã để lại trong tâm hồn anh nhiều ray rứt, cũng có khi là một chút cảm khái “ dư nước mắt khóc người đời xưa “. Nói chung những nhân vật của anh trong tuồng, trong vọng cổ đều chuyên chở đậm cho Viễn Châu nỗi niềm hoài niệm một thời thơ ấu đa tình, một chút lãng mạn của một người yêu đời, yêu thơ văn và âm nhạc.

**Viễn Châu đã sáng tác hơn 2000 bài ca vọng cổ cho ba thế hệ diễn viên, ca sĩ ca thu vô đĩa:**( tôi còn nhớ được 40 tên ca sĩ, diễn viên ngôi sao cải lương ba thế hệ có thu vô đĩa những bài ca vọng cổ của Viễn Châu sáng tác và danh sách của mười hãng đĩa lớn của Sài Gòn trước 75, những hãng từng thu thanh và phát hành các đĩa vọng cổ của Viễn Châu ). Mỗi bài ca vọng cổ độc chiếc thường thường là có ít ra 8 câu thơ, 4 câu thơ nói lối trước khi vô vọng cổ câu 1 và 4 câu thơ nói lối khi ca câu 5, câu 6, hoặc thơ trong lòng câu vọng cổ. Tôi lấy một số băng cassette và đĩa hát các bài ca vọng cổ của Viễn Châu ra nghe và ghi lại để các bạn cùng thưởng thức những câu thơ của Viễn Châu.

Trong bài vọng cổ “ Hoa Đào Năm Ngoái “, 4 câu thơ nói lối trước khi vô vọng cổ câu 1:

*Cánh chim về tổ chớ mây xa  
Liều biếc sâu ai quạnh nắng tà  
Người đẹp đâu rồi, cây nhớ bóng  
Lan đình còn đọng dấu hài hoa.*

và 4 câu thơ khác, nói lối gát vô câu vọng cổ số 5:

*Hương tóc mơ màng, hương cố nhân  
Người xưa lưu lạc bước phong trần  
Hồn thơ rữ rượi sầu ngăn cách  
Lá chết rơi nhiều quỳện gió đông.*

Trong bài vọng cổ Phàn Lê Huê – Tiết Đình San, 4 câu thơ tâm sự của Phàn Lê Huê gát vô câu vọng cổ 4:

*Chăn gối hững hờ, chăn gối lẻ,  
Phấn hương lợt lạt phấn hương tàn  
Bao nhiêu thương nhớ bao nhiêu lệ  
Mộng ước thôi rồi chịu vỡ tan.*

Trong bài Cô Hàng Cà phê, 4 câu thơ nói lối trước khi vô vọng cổ câu 1 :

*Gió thổi tơ bời xác lá bay  
Mưa rơi từng giọt mái hiên ngoài  
Em ngồi lẳng lẳng bên khung cửa  
Hương nẻo chân trời để nhớ ai.*

Và đây 4 câu thơ gát vô câu 5, cũng bài Cô Hàng Cà Phê:

*Chiều xuống lâu rồi mưa vẫn tuôn  
Ngoài kia phố thị hắc hiu buồn  
Tôi nghe rười rượi hồn du tử  
Không kể mong chờ cũng nhớ thương.*

Thơ trong tuồng, trong các bài ca vọng cổ của Viễn Châu thì nhiều lắm. Mặc dầu Viễn Châu biết rằng anh làm thơ không phải để trở thành thi sĩ, không phải để nổi tiếng với thơ, nhưng anh biết làm thơ nên lời ca các bài vọng cổ của anh cũng êm ả như thơ vậy. Đúng ra anh viết lời ca vọng cổ với một tâm hồn thi sĩ, tâm hồn lãng mạn đã yêu thơ từ thuở thiếu thời:

*Mưa lạnh run run gió dật dờ  
Thành đô bỗng chốc hóa tiêu sơ  
Đôi dây khoan nhặt cười ray rứt  
Năm ngón cung thương khóc sững sờ  
Tháng lụn năm tàn già héo hắt  
Quê người xứ lạ trẻ bơ vơ  
Chiều nay có kẻ nhiều tâm sự  
Nước mắt hòa trong nhạc với thơ.*

Tôi thử làm một bài toán cộng để hình dung cái khối sáng tác đồ sộ của anh Viễn Châu

( tuy biết rằng chất lượng tác phẩm không tính bằng những con số ), mỗi bài vọng cổ hồi xưa 20 câu, sau đó rút còn 12 câu. Trong những thập niên 60, rút lại còn 6 câu, rồi còn 4 câu với các bài bản nhỏ. Tôi lấy một bài như bài vọng cổ Ông Lão Chèo Đò, đếm thử số chữ trong 4 câu vọng cổ, gồm luôn thơ nói lối gác vô vọng cổ thì thấy bài

vọng cổ đó được 501 chữ. Chỉ lấy 500 chữ làm chuẩn mà tính thử thì 2000 bài vọng cổ, hơn cho 500 chữ, nghĩa là **Viễn Châu đã viết một triệu chữ trong các bài ca vọng cổ của anh**. Nếu cộng thêm hơn 50 tuồng cải lương của anh, số chữ trong một tuồng cải lương phải nhiều gấp 50 lần một bài vọng cổ, vậy thì số chữ Viễn Châu dùng để bày tỏ tâm tình, thương mây khóc gió, nói lên tình cảm chân quê của người thôn dã Việt Nam, **con số đó phải kể đến hàng chục triệu chữ**. Tôi tò mò làm một con toán như vậy vì tình cờ đọc được trong sách Pháp, nói về nhà viết kịch Đại Văn Hào Anh Quốc Shakespeare được coi là một vĩ nhân vì người ta đếm được trong toàn bộ tác phẩm của ông ta sáng tác có được 38. 000 chữ khác nhau. Nếu đem đếm toàn bộ tác phẩm của Viễn Châu ( và của những tác giả, những nhà văn Việt Nam như các ông Hồ Biểu Chánh, nhà văn Võ Phiến, Bình Nguyên Lộc. . . vân. . . vân ) chắc chắn là vượt qua xa con số 38. 000 chữ của văn hào Shakespeare.

Tôi lại làm một con toán khác: mỗi bài vọng cổ có ít nhất là 4 câu thơ, tính chung 2000 bài vọng cổ, Viễn Châu đã viết 8000 câu thơ! Khi về Việt Nam, tôi có dịp nói chuyện này với thi sĩ Kiên Giang, anh ta cười, chào thua khả năng sáng tác thơ của Viễn Châu, nhưng kết luận là Viễn Châu không phải là thi sĩ chuyên về thơ, anh ta làm thơ để thay đổi “ văn phong “ trong các bài vọng cổ, trong tuồng, chớ nếu Viễn châu là thi sĩ chuyên về thơ “ than mây khóc gió” như kiểu Kiên Giang Hà Huy Hà là anh ta “ đối nhẵn răng”.

Mỗi bài vọng cổ được viết như một chuyện tình ngắn, một bài thơ tâm sự, mỗi bài đều có nhân vật khác nhau, tâm tình khác nhau, câu chuyện khác nhau, vậy thì 2. 000 bài vọng cổ là 2. 000 câu chuyện ngắn khác nhau. . . Những con số liệt kê ra đây, xem qua thật là dễ nể, dễ sợ!

Nói về Viễn Châu thì thiệt là có nhiều chuyện để nói, chỉ riêng 200 bài ca vọng cổ hài hước của anh do Văn Hường, hề Sa, hề Minh, hề Quới ca, cũng là 200 chuyện châm biếm những thói hư tật xấu trong xã hội, 200 chuyện vui lật tẩy bề trái của xã hội, ghi dấu một thời kỳ va chạm của phong tục tập quán xưa cũ và cái nếp sống văn minh tiến bộ mới.

Và thêm một vấn đề về văn học và âm nhạc, cần đề ra đây để mong có một sự góp ý của những nhà âm nhạc học, của những bậc thức giả:

đó là sáng kiến của Viễn Châu khi thực hiện những bài vọng cổ Tân Cổ giao duyên. Viễn Châu là người đầu tiên viết và kiên trì phổ biến loại tân cổ giao duyên trong hai thập niên 60, 70, và đã từng gây ra một cuộc tranh luận trên các báo chí văn nghệ trong nước. Có người ủng hộ, có kẻ chỉ trích và Tân Cổ giao duyên vẫn được tồn tại và phát triển. Vậy thì nên hay không kết hợp Tân nhạc và Cổ nhạc trong một bài ca? Tôi nghĩ rằng về phương diện tán thành hay phản đối, sẽ có nhiều lý giải rất hay, bổ ích cho học thuật văn nghệ trình diễn của chúng ta.

## 8. - Soạn giả kiêm họa sĩ Thiếu Linh:

người có công thay đổi bộ mặt sân khấu cải lương trong thập niên 60.

**Thiếu Linh tên thật là Lê Văn Phương**, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1922, tại quận Cần Đức, tỉnh Chợ Lớn. Cha anh là giáo sư Lê Văn Ngôn, ngạch Pháp nên được đổi đi dạy học tại trường Trung Học Vientiane bên xứ Lào. Anh theo cha mẹ sang Lào, học Tiểu và Trung Học ở Lào, rồi thi vào trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội, đồng khóa với họa sĩ Trần Văn Lắm, người đã tạc tượng Thủ Khoa Huân, đặt ở bến Diên Hồng tại tỉnh lỵ Mỹ Tho sau năm 1975.



Năm 1945, như phần đông các sinh viên đại Học quê ở miền Nam, anh tham gia phong trào Nam Tiến, trở về Nam. Có một thời anh giúp trang trí và vẽ hí họa cho các báo.

Năm 1952, anh chuyên hẳn về nghệ thuật vẽ chuyên bằng tranh cho nhà xuất bản Hồng Hoa, đường Khổng Tử, Chợ Lớn và sáng tác các mẫu trang trí cho lò gốm Mỹ Thuật ở tỉnh Thủ Dầu Một.

Năm 1952, tôi quen với Thiếu Linh trong dịp chúng tôi cùng viết báo chung trong tòa soạn tờ Tuần Báo “Đi và Sống” của chủ nhiệm kiêm chủ bút Lê Minh Hoàng Thái Sơn, ở đường Phạm Ngũ Lão. Thiếu Linh đưa cho tôi xem một số truyện phiêu lưu ký của anh sáng tác, xem xong, tôi nói: “Anh có thể viết tuồng cải lương rất hay nếu anh biết ca hay biết đờn cổ nhạc, vì chuyện phiêu lưu ký của anh viết có nhiều tình tiết rất là hấp dẫn, có thể viết thành tuồng cải lương”

Anh nhờ tôi giới thiệu với các nghệ sĩ Thành Tôn, Hữu Thoại, Thanh Cao, Trường Xuân. . . và dẫn anh đến các rạp hát làm quen với sinh hoạt của kịch trường, nhưng cuối cùng anh không quen được với cuộc sống xô bồ xô bộn của các nghệ sĩ vào thời đó. Lúc đó tôi đang học hát, học viết tuồng và tập vẽ phong cảnh với họa sĩ Nguyễn Quyền trong đoàn Việt Kịch Năm Châu. Đoàn Việt Kịch Năm Châu đang dàn dựng vở thi ca vũ nhạc kịch Tây Thi Gái Nước Việt của soạn giả Năm Châu. Thiếu Linh đến giúp cho họa sĩ Nguyễn Quyền và Hoàng Lang vẽ phong cảnh tuồng này.

Có lẽ cái không khí tập tuồng của đoàn Việt Kịch Năm Châu và tài đạo diễn của nghệ sĩ Năm Châu đã thay đổi cái nhìn của Thiếu Linh đối với sân khấu và nghệ sĩ cải lương nên anh nhờ tôi giới thiệu cho anh kiếm việc làm trong đoàn hát để từ đó âm thầm nghiên cứu một hướng sáng tác kịch bản của riêng anh.

Cuối năm 1954, tôi gia nhập đoàn cải lương Thanh Minh bầu Nghĩa, anh Thiếu Linh cũng hợp tác với họa sĩ Mười Rây vẽ phong cảnh sân khấu và vẽ bảng hình quảng cáo tuồng cho đoàn Thanh Minh tại rạp Thành Xương.

**Từ năm 1955 đến năm 1984, Thiếu Linh đã hợp soạn với nhiều soạn giả: Lê Khanh, Mộc Linh, Nguyễn Phương, Thu An, Thành Phát, Hoàng Dũng.**

Sau năm 1984, Thiếu Linh và gia đình đi định cư tại Virginia, Mỹ Quốc, anh thôi hành nghề soạn giả.

Thiếu Linh đọc rất nhiều tiểu thuyết, kịch bản Pháp, và các tập san Histoire du cinéma nên anh nghĩ ra được nhiều cốt chuyện kịch, anh làm thơ, ý thơ dồi dào, lời đẹp, viết nhanh và dễ dàng như nhà thơ Nguyễn Bính. Những khi hợp soạn với chúng tôi, khi đã chọn được đề tài, sơ lược cốt chuyện, phân màn, phân cảnh, nghiên cứu tính cách nhân vật và các điểm xung đột dữ dội của các nhân vật kịch thì Thiếu Linh lãnh phần phác thảo thành thoại kịch hoặc viết bằng thơ các đoạn đối thoại mùi mẫn nhứt hoặc gây căng nhứt. Chúng tôi từ bản phác thảo, cắt xén, chỉnh đốn, phát triển những đoạn cần thiết cho diễn xuất của diễn viên và viết bài ca thành từng cải lương. Thiếu Linh là họa sĩ và cũng là thi sĩ, nên khi anh gặp những đoạn cần tả cảnh, tả tình trong từng câu, anh viết không ngừng theo cảm xúc của riêng anh, một đôi khi không tự kềm chế được nên tuy thơ hay, nhưng khi lên sân khấu trình diễn thì kéo dài lê thê, ngòi sân khấu. Chúng tôi đạo diễn, dàn dựng, quyết định đoạn nào phải cắt bớt, đoạn nào phải bỏ luôn để cho tiết tấu trên sân diễn luôn luôn sống động, lôi cuốn khán giả.

**Phải công nhận là từ năm 1954, Thiếu Linh là người đầu tiên đưa lối thơ mới vào sân khấu miền Nam, góp phần phát triển văn phong cải lương, trước Hoa Phượng nhiều năm.** Chỉ cần xem qua ba đoạn văn sau đây trong ba thời kỳ cải tiến của sân khấu hát bội pha cải lương qua loại hình hát cải lương tuồng dã sử, ta sẽ thấy sự đóng góp rất quan trọng của Thiếu Linh:

Những năm 1930, một nhân vật tuồng hát bội xưng tên:

( tuồng San Hậu )

*Tạ Ôn Đình :*

*Thời không âm võ, Đồi chẳng liệt phong,*

*Giữa trời dựng nghiệp trung hưng,*

*Trong nước vui vầy phỉ túy,*

*Kim trào ngự đệ, Mỗ, Tạ Ôn Đình*

*Tài lão biết gương bình, Trí thông hay lược chiến.*

Năm 1935, tuồng cải lương “ Bội Phụ Quả Báo “ của tác giả Phạm Công Bình:

Hai Vận :

*Thuận Thành là quê quán.*

*Ta, con đại phú gia*

*Tay ăn chơi bốn biển là nhà*

*Danh tiếng khắp, tên ta Hai Vận,*

*Tuổi đã lớn song chưa danh phận,*

*Tay rông nghề sớm muộn tối đào. . . .*

Năm 1954, tuồng *Đêm Hờn Cung Lạnh* của Thiếu Linh:

Vua đối thoại với cô gái chán đời mà Vua vừa cứu được:

Tại sao nàng muốn chết?  
Nàng muốn tìm một cuộc sống tốt hơn à?  
Cuộc đời chỉ là một trò vui,  
Có người thương người ghét, có kẻ khóc người cười,  
Có kẻ ước muốn yêu đương, có người khát thêm danh phận,  
Kẻ trong bóng tối thì đòi ra ánh sáng,  
Kẻ giữa ban trưa lại chán nắng mặt trời,  
Tất cả chúng ta đều như vậy thôi.  
Mong muốn! Khát thèm!  
Đó mới chính là tội lỗi,  
Trời dành riêng để trừng phạt loài người.

Thiếu nữ :

Nhưng tôn ông là ai, mà dạy tôi những lời lẽ đó?

Vua:

Ta là kẻ lúc ra đường,  
Dân chúng phải cúi đầu nhìn xuống đất,  
Giữa triều đình, trước quần thần đủ mặt,  
Thì chính ta đang ngự giữa long sàng.

Hiện nay, đầu thế kỷ 21, ta đọc đoạn văn đó, ta thấy bình thường, nhưng hơn nửa thế kỷ trước, đoạn văn đó đã góp phần thay đổi phong cách diễn xuất của diễn viên, thay đổi cách nói nhẹ nhàng hơn, gần với cuộc sống thực tế ngoài đời hơn.

Soạn giả Thiếu Linh lại là một họa sĩ, say mê ánh sáng, màu sắc, đường nét và nghệ thuật tạo hình. Anh đã dùng sở trường hội họa để cải tiến không ngừng nghệ thuật trang trí sân khấu và sáng tạo y trang sân khấu.

Nếu vị khán giả nào đã từng say mê sân khấu cải lương vào thập niên 50, thì hẳn nhớ phong cảnh sân khấu của các đoàn cải lương thời đó có những cảnh chung kể sau đây dùng cho đủ mọi loại tuồng của đoàn hát:

- Cảnh nhà giàu Tây ( còn gọi là cảnh hoa viên )
- Cảnh Triều Đình ( vua Tàu ), ( chỉ có đoàn Việt Kịch Năm Châu là có cảnh triều đình Tây vì hát tuồng Tây: Bằng Hữu Bình Nhung, ( Les trois mousquetaires ).
- Cảnh rừng.
- Cảnh nhà nghèo ( toàn cảnh nhà lá hay chỉ một mái nhà lá để góc phải sân khấu ).

Décors fixe, màn ngoài lớn vẽ cảnh đường đi có cây đa lớn hay gốc cổ thụ.

Đoàn Hoa Sen, diễn các tuồng chiến tranh, chế ra loại cánh gà lá sách, tức là cánh gà che hai bên hông sân khấu được đóng thành như cuốn sách, có bản lề bên trong, lật một miếng qua là đổi được cảnh.

Ở đoàn Thanh Minh và sau này là Thanh Minh Thanh Nga, Thiếu Linh vận động chúng tôi cùng thuyết phục bà bầu Thơ và ông Lư Hòa Nghĩa chấp nhận thực hiện mỗi tuồng, mỗi màn được vẽ cảnh trí mới, phù hợp với cốt chuyện tuồng và đúng với thời đại xảy ra chuyện tuồng đó. Ngày nay sở thích của khán giả và nghệ sĩ đều tiến bộ,

mỗi tuồng có tranh cảnh thích hợp là một lẽ đương nhiên, nhưng nhớ lại, năm mươi năm trước, muốn thực hiện được điều đó không phải dễ. Máy ông, bà bầu gánh hát đều sợ hao tổn, họ sẵn sàng trả lương diễn viên cao, nhưng y trang, tranh cảnh, họ cho là không quan trọng. Lấy y phục tuồng nầy dùng cho tuồng khác cũng được. Tranh cảnh thì nhà nghèo nào cũng là một cái nhà lá như nhau, nhà giàu thì cũng là một cái nhà có màu sắc sáng sủa là được rồi. họa sĩ Thiếu Linh có may mắn là bà Bầu Thơ thức thời, muốn gánh hát của mình là một đại ban nên ngoài các diễn viên ngôi sao đã có, bà còn muốn dẫn đầu các đoàn hát khác về tuồng tích, về y trang, cảnh trí nên bà chấp thuận đề nghị vẽ cảnh trí cho mỗi tuồng theo ý của Thiếu Linh và của các soạn giả.

Thời đó, các ký giả kịch trường như Trần Tấn Quốc, Hoài Ngọc, Phong Vân, Tô Yến Châu, Lê Hiền, Nguyễn Ang Ca đều ca ngợi đoàn Thanh Minh là đệ nhất đại ban, dưới tài lãnh đạo của bà bầu Thơ với các soạn giả thường trực Thiếu Linh, Nguyễn Phương, Hà Triều Hoa Phượng, Hoàng Khâm, Kiên Giang, đoàn Thanh Minh Thanh Nga đã góp công không nhỏ trong việc xây dựng một sân khấu cải lương có tính văn học cao.

Về y trang của nhân vật tuồng, Thiếu Linh đến thư viện sưu tầm, nghiên cứu y phục từng dân tộc, từng thời lịch sử và vẽ các mẫu y trang phù hợp với từng tuồng trong đoàn Thanh Minh. Anh vẽ cách điệu, sân khấu hóa, màu sắc chọn lọc phù hợp với sắc vóc diễn viên và ánh đèn sân khấu, hòa hợp với sắc màu cảnh trí nên thu hút được sự tán thưởng của khán giả, giúp nâng cao trình độ thẩm mỹ của cả diễn viên và khán giả.

Thiếu Linh đã viết các vở sau đây chung với các soạn giả:

Với Lê Khanh vở *Đồ Bàn Di Hận*;

Với Mộc Linh, *Tình Tráng Sĩ*.

Với Lê Khanh, Nguyễn Phương và Mộc Linh, *Người Thợ Rừng*.

Với Thành Phát ( liên danh Thiếu Linh - Thành Phát ) *Hồi Trống Vân Lâu, Nhan Sắc Tân phi, Áo Gấm Khôi Nguyên, Cầu Gỗ Hoàng Mai Thôn, Nẻo Tắt Hoàn Sơn*.

Với Mộc Linh. . ( cho sân khấu Việt Hùng – Minh Chí ) *Núi Liễu Sông Bằng, Đường Lên Xứ Thái*

Với Nguyễn Phương:

các vở *Cánh Buồm Lửa, Người Về Từ Cửa Biển, Dưới Cầu Than Thở, Chuyện xóm mình, Chuyện Tình và Tiền, Chuyện Ba Trái Tim, Người Dừng Chân Đêm Mưa, Tiền Rừng Bạc Biển, Lệnh Của Bà, Kẻ Sợ Tình, Con Trai Người Ăn Mày, Con Gái Ma Túy, Tình Hận Thâm Cung, Nát Cánh Phù Dung*.

Năm 1960, Thiếu Linh hợp tác với Thu An, phụ trách sân khấu đoàn Thủ Đô của ông Bầu Ba Bản. Đoàn Thủ Đô từng bùng khai trương tại rạp Thái Bình là một sự kiện đáng ghi nhớ cho cả giới sân khấu cải lương miền Nam. Trang trí quảng cáo mặt tiền do họa sĩ Thiếu Linh phác thảo hình mẫu, họa sĩ Nguyễn Quyền, Hoàng Lang và Thiếu Linh thực hiện vẽ một cảnh trong tuồng *Tiếng Trống Sang Canh* của tác giả Thu

An và Thiếu Linh. Chiều cao tấm panneaux hình là 5 thước; chiều dài suốt mặt tiền rạp hát Thanh Bình. Ngoài ra có quả cầu hơi, bong bóng thật lớn, đường kính hơn hai thước, được bơm bằng hơi nhẹ để bong bóng bay cao, kéo thẳng lên tấm bảng vẽ tựa tuồng *Tiếng Trống Sang Canh* cao khỏi rạp 10 thước. Hai ngọn đèn 5000 watts rọi sáng quả cầu và bảng tựa tuồng mà người đi đường ở tận ga xe lửa hay ở nhà bảo sanh Từ Dũ, cách đó hơn 200 thước vẫn thấy rõ.

Những cảnh trong các tuồng của đoàn Thủ Đô đều được Thiếu Linh nghiên cứu, vẽ, bố trí ánh sáng và sử dụng màu sắc một cách rất nghệ thuật, đẹp như một bức tranh sống động. Khi màn vừa mở, diễn viên chưa xuất hiện trên sân khấu mà khán giả đã bị chinh phục, vỗ tay khen cảnh trí tuyệt đẹp của đoàn cải lương Thủ Đô. Thời gian này Thiếu Linh viết chung với Thu An các vở tuồng *Sầu Quan Âm*, *Cát Dung Phương Tử*, *Yêu Người Diên*, *Đêm Hờn Cung Lạnh*. Thiếu Linh hợp soạn với Hoàng Dũng viết truyện phim *Chiếc Bóng Bên Đường* và *Men Nắng*.

Chắc còn nhiều vở tuồng hay của anh Thiếu Linh hợp soạn với các bạn khác mà trí nhớ của tôi không giúp tôi kể được ra hết được, nhưng trong giới nghệ sĩ cải lương các thập niên 50, 60, 70, những ngôi sao sân khấu đều có thủ một vai tuồng nào đó của soạn giả Thiếu Linh. Y phục trên sân khấu mà các đào kép đó mặc đều do một tay Thiếu Linh vẽ mẫu, Tám Trống và bà Nguyễn Phương thực hiện. ( Các đoàn Thanh Minh, Thanh Minh Thanh Nga, Thủ Đô, Dạ Lý Hương )

Thiếu Linh chỉ có tật hút thuốc điếu thật nhiều, khi anh sáng tác, anh hút thuốc liên tục, hết điếu này nối liền điếu khác. Khi đi dạo chơi với tôi, xem ciné hay ngồi uống café Brodard thì gần như anh không hút điếu thuốc nào. Anh không uống rượu, không cờ bạc, không mê gái và không hề mịch lòng to tiếng với bất cứ ai. Vợ anh là một viên chức Tòa Đô Chánh Sài Gòn, giúp anh quán xuyến việc gia đình và dạy dỗ con cái để anh được trọn vẹn thì giờ và tâm tư để theo đuổi con đường nghệ thuật sân khấu cải lương.

Anh chị Thiếu Linh có 5 người con: hai gái ( Nhi và Hương ), và ba trai ( Linh, Truyền, Trí )

Tháng 8 năm 1997. vợ chồng tôi qua Virginia, có đến thăm anh chị Thiếu Linh. Lúc đó anh Thiếu Linh đã suy yếu lắm rồi, tuy nhiên Thiếu Linh vẫn tươi cười, ngồi tiếp chuyện chúng tôi mà tay vẫn cầm bút chì và giấy, vẽ phác thảo những cảnh trí đẹp, nét bút còn rần rỏ như khi anh còn hoạt động nghệ thuật. Anh nói: " *Tôi còn vẽ được, chúng tôi vẫn còn mình mãi, vẫn còn sống* ".

Thiếu Linh mất ngày 26 tháng giêng năm 1998 vì bị viêm phế quản, an táng tại nghĩa trang Virginia ngày 29 tháng giêng 1998, nhằm ngày mùng 2 Tết năm Mậu Dần.

## 9 - NGƯỜI ĐẦU TIÊN CHẾ TẠO DĨA HÁT TẠI VIỆT - NAM : Ông NGÔ VĂN MẠNH, chủ hãng đĩa ASIA SAIGON .

Đọc quyển “ VĂN HỌC MIỀN NAM TỔNG QUAN “ ( 1954 - 1975 ) của nhà văn VÕ PHIẾN, tôi buồn cho số phận hẩm hiu của nghệ-thuật sân khấu Cải lương. Đếm thử những nhà văn, thi-sĩ, kịch tác gia được nhà văn Võ Phiến đề cập tới thân thế, tiểu sử, trích tuyển và phê bình những tác phẩm tiêu biểu, về Truyện đếm được 50 tác giả, về Ký có 22 người, Kịch, Tùy bút được 14 tên và 32 nhà thơ, tuyệt nhiên không nhắc đến tên một tác giả kịch bản cải lương hay hát bội.

Phải chăng kịch bản cải lương và hát bội không phải là văn học nghệ thuật? Hay vì cải lương và hát bội là một loại hình “ nghệ thuật phù vân “, khi văn hát, màn nhung buông xuống, đào kép thay xiêm áo, bôi son bả phấn thì lời ca tiếng hát và hình tượng nhân vật kịch cũng tan biến vào cõi hư vô. Có còn chăng là những lời bình phẩm tích truyện, lối hát ca hoặc một vài ấn tượng vui buồn được giới mộ điệu sân khấu nhắc lại trong những lúc trà dư tửu hậu, không có bản tổng in phổ biến và lưu trữ như sách, báo, văn thơ. Có lẽ vì vậy mà những nhà phê bình văn học không có tài liệu để trích tuyển và phê bình.

Nhân chuyện nay lại nhớ chuyện xưa. Chính vua Lê Thánh Tôn, người đã khởi xướng thành lập Tao Đàn đầu tiên của nước ta, đưa văn học lên hàng bác học, lại là người đã ra lệnh “ Cấm con nhà hát xướng không được đi thi, không được lấy chồng quan chức

“ . Sân khấu và múa hát vẫn được triều đình và các tầng lớp quý tộc mời đến những khi cần giải trí vui chơi hay trong các dịp lễ hội hè đình đám nhưng “ nó “ vẫn bị coi là “ xướng ca vô loài “ . Trong hoàn cảnh bị miệt thị như vậy nên hoạt động của sân khấu, những tuồng tích hay, những diễn viên giỏi, trong sử sách, có chăng chỉ được ghi lại đôi ba dòng một cách chung chung, không cụ thể.

Trong những thập niên 1920, 1930, 1940 (thời Pháp thuộc) người miền Nam muốn ra miền Trung, miền Bắc phải có giấy thông hành, giấy chứng minh công dân thuộc Pháp ở Nam Kỳ ( sujet français de la Cochinchine ).



ông Ngô Văn Mạnh

Đường xá kém mở mang, phương tiện giao thông thiếu thốn. Từ Sài Gòn đi Lục Tỉnh có rất ít xe đò ( xe Hữu Lợi, xe Thiên Tân, xe Á Đông ), nếu chờ hàng hóa nhiều, người ta phải đi xe lửa từ Sài Gòn xuống Mỹ Tho, rồi từ Mỹ Tho dùng tàu hay đò máy đi Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau. Các gánh hát cải lương muốn lưu diễn Lục Tỉnh cũng phải dùng ghe chài, có tàu kéo nên chỉ diễn được ở những thị trấn, thành phố lớn ven sông. Các quận, huyện, làng mạc trong sâu ít có dịp rước được gánh hát về. Sau các vụ mùa hay nhân các dịp đám cưới, đám hỏi, đám giỗ hay tiệc tùng, để tặng thêm phần long trọng, vui vẻ, người ta tổ chức đàn ca tài tử cổ nhạc. Nếu không có ca sĩ và

nhạc sĩ thì họ dùng giàn máy hát với các đĩa thu vọng cổ, đĩa tuồng hát bội, tuồng cải lương.

Trong hai thập niên 1920, 1930, gia đình khá giả, địa chủ, phú nông mới mua sắm nổi giàn máy hát Giàn máy hát hiệu PATHÉ, COLUMBIA nhập cảng của nước Pháp, giàn máy hát hiệu BÉKA của nước Đức, và máy hát của thầy Năm Tú ( Pierre Châu Văn Tú sản xuất, có hình con chó ngồi và loa hát lớn hình bông rau muống ).

Nhờ có đĩa hát mà nghệ thuật hát cải lương, hát bội, nghệ thuật ca vọng cổ được phổ biến sâu rộng và phát triển nhanh chóng. Người ít học, ít đọc sách, báo, tiểu thuyết, thậm chí dốt chữ cũng nhờ nghe đĩa hát mà biết các tích truyện Tàu (Tam Quốc, Phong Thần, Thủy hử..) các tích truyện Việt Nam ( truyện Kiều của Nguyễn Du, truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu, truyện Tống Trân Cúc Hoa, Bích Câu Kỳ Ngộ... ) các tiểu thuyết được phóng tác thành tuồng cải lương như *Ngọn cỏ gió đùa*, *Con Nhà Nghèo*, *Cha Con Nghĩa Nặng của Hồ Biểu Chánh*, *Đoạn Tuyệt của Nhất Linh*, *Chí Phèo của Nam Cao*, *Tố Tâm của Hoàng Ngọc Phách*, *Tắt Đèn của Ngô Tất Tố*. . . và nhiều tác phẩm bậc thầy như *Kim Thạch Kỳ Duyên của Bùi Hữu Nghĩa*, *San Hậu*, *Tam Nữ Đồ Vương*, *Ngao Sò Ốc Hến* . . .

Các nhà nghiên cứu phong tục tập quán, nghiên cứu về lối sống, về ngôn ngữ có những tư liệu dẫn chứng về cách Mẹ dạy con trước khi gả chồng qua đĩa hát *Tình Mẫu Tử* ( đĩa ASIA trong đen chữ trắng do cô Tư Sạng ca, nhạc sĩ Bảy Hàm đàn ghi-ta độc chiếc ). Họ hiểu tâm trạng cô đơn, chịu đựng, hy sinh vất vả vì chồng con của người phụ nữ thời xưa qua các đĩa:*Giò bắc Lạnh Lùng* ( cô Hai Đá ca ), *Đêm khuya trông chồng* ( cô Tư Sạng ca ), *Giọt lệ má hồng* ( cô Ba Trà Vinh ca ), *Tình cao thượng* ( cô Tư Bé ca ).

Về văn chương, nhà nghiên cứu văn học cũng nhờ đĩa hát mà có tư liệu dẫn chứng ảnh hưởng của Nho học hoặc Tây học trong văn chương các tuồng cải lương. Ví dụ :( xin trích ba câu vọng cổ *Tình Cao Thượng* cô Tư Bé ca, nhạc sĩ Sáu Tửng đàn Sến độc chiếc, đĩa Asia trong đỏ tím ):

*câu 1. / Bầu tâm sự chút tình hoài vọng, bán dạ tam canh bán.*

*câu 2. / Ký nhật trung thu bát ngoai, ngoài vầng trăng bạc trông như ngọn đèn xanh chứng tỏ cho lòng ta bút thả từng câu, chạnh nỗi lòng mình làm bạn cùng bến sông Ngâu.*

*câu 3. / Minh quân lương tế tao phùng dị. Tài tử giai nhân tế độ nan. Xưa kia Chức Nữ Ngưu Lang, Sầu thương lưỡng lệ chờ đợi cho lũ quạ sói đầu, giọt nước giỡn trăng tại mé cầu.*

Các bạn trẻ bây giờ nghe qua ba câu vọng cổ kể trên chắc cũng chẳng hiểu một cách thấu đáo ý nghĩa muốn gửi gắm của tác giả vì có nhiều chữ nho và điển tích.

Và sau đây tôi xin trích một đoạn trong bài *Tứ Đại Oán* viết trong tuồng *Tối Độc Phụ Nhơn Tâm* của ông Phạm Công Bình năm 1923, nhạo báng những anh công tử bột, có chút đỉnh Tây học, dùng tiếng Tây loè người, dụ dỗ gái nhẹ dạ. . .

Bài **TỨ ĐẠI OÁN** .

*Thương. . . ỷ thương không ngọt cơn sầu,*

*Sông Ngâu dạ muốn bắt cầu,  
 Trách bấy người chẳng lòng em - mê ( aimer )  
 Năm canh sâu ủ ê,  
 Cái niềm phu thê  
 Sao mà muốn kít - tê ( quitter ) hỡi nàng.  
 Vì tại ai mà la luy - nơ ( la lune ) soi tỏ dạ,  
 Mấy lời nguyện  
 Tôi hổ với nước non  
 Sơn hỡi môi son  
 Bỏ - cu ( beaucoup ) rờng rơi lụy  
 Phát - sê ( fâcher ) người không nghĩ  
 Đôi đũa mình còn bớ - tí ( petit )  
 Trách trời vội rẽ phân đôi dàng . . .*

Ngoài việc giúp cho nghệ thuật ca vọng cổ, nghệ thuật hát cải lương và hát bội ngày một phát triển, giúp việc lưu trữ kho tàng văn học sân khấu, ngành đĩa hát giới thiệu nhiều giọng ca vàng, tạo danh vọng cho nhiều tài năng nghệ thuật và làm giàu cho nhiều ông chủ hãng đĩa. Người ta biết danh “ Vua vọng cổ Út Trà Ôn “, “ Vua Xàng Xê Minh Chí “, “ Vua vọng cổ hài Văn Hường” “ Nữ Hoàng sầu mộng Út Bạch Lan “. . . và biết tên các chủ hãng đĩa lừng danh trước năm 1975 như ông BẦU BA BẢN và bà BẢY PHƯỚC, chủ hãng đĩa Hoàn Sơn ( đường Công Lý ) ông Lê Văn Tài và cô Sáu Liên hãng đĩa Việt-Nam ( đường Võ Di Nguy, Chợ cũ ) Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông, hãng đĩa Sơn ca và Continental, ông Tứ Hải, hãng đĩa Việt Hải ( đường Bùi Viện ) ông Mến, hãng đĩa Capitol Chợ Lớn, ông Văn Giai hãng đĩa Quê Hương, anh Hai Hồng Hoa ( hậu thân của hãng đĩa ASIA ) bến Hàm Tử, hãng đĩa Tri Âm của ông kỹ sư Kính, chồng cô Tư Thanh Tùng ở đường Nguyễn Cư Trinh, gần rạp hát Hưng Đạo . . .

**Tôi nghĩ là nên “ VINH DANH “ những người có công đã khai sáng ra ngành sản xuất đĩa hát ở Việt Nam.**

Trước nhất phải kể **Thầy Năm Tú** ( ông Pierre Châu Văn Tú ) một nghiệp chủ giàu có ở Mỹ Tho, theo Tây học, tính tình phóng khoáng, người đã thành lập gánh hát cải lương đầu tiên ở miền Nam, lấy tên là BAN HÁT THẦY NĂM TÚ. Thuở đó ( 1917 - 1920 ) Mỹ Tho là một trong những tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long có phong trào đàn ca tài tử rầm rộ nhất. Ông Pierre Châu Văn Tú tập hợp các danh ca, danh cầm, mời ông Mạnh Tư Trương Duy Toàn (1885 - 1957 ) làm soạn giả. Ban Hát Thầy Năm Tú hát có tuồng tích đàn hoàng, được tập dượt kỹ lưỡng, có phong cảnh, y trang, có dàn nhạc Tây đàn mỗi khi bỏ màn. Lối hát mới này chấm dứt lối ca những bài ca lẽ có ra bộ mà người ta thường gọi là “ Ca Ra Bộ ( bài Tứ Đại Oán : *Bùi Kiệm - Nguyệt Nga* ). Ông Pierre Châu Văn Tú xây cất rạp hát ngang hông chợ Mỹ Tho, lấy tên Rạp Hát Thầy Năm Tú để cho Ban Hát của ông có nơi để trình diễn mỗi đêm.

Ông còn cho thu thanh và in thành đĩa hát để phổ biến tuồng của Ban hát của ông ra khắp nước, từ thành thị đến thôn quê hẻo lánh. Đĩa hát cải lương và đĩa ca vọng cổ của Ban hát Thầy Năm Tú cũng được dân mộ điệu ở Huế, ở Hà Nội, Hải Phòng đón tiếp nồng nhiệt. Tôi còn nhớ những bộ tuồng cải lương thu đĩa của Ban Hát Thầy Năm Tú có lời giới thiệu mở đầu như sau:

” Đây là Ban hát cải lương của thầy Năm Tú ở tại MỸ THO. Hát cho Đĩa PATHÉ PHONO nghe chơi . . . “

Nhiều bộ tuồng ra đời khoảng năm 1922 - 1925, đều là của soạn giả Mạnh Tư Trương Duy Toàn như: *Kim Vân Kiều*, *Trang Châu Mộng Hồ Điệp*, *Hạnh Nguyên Cống Hồ*. Đoàn kép hát thu đĩa đều của Ban Hát Thầy Tú như Bẩy Thông, Tám Cang, cô Hai Cúc, cô Sáu Hoàn . . . Tất cả những đĩa hát này đều do Hãng PATHÉ tại Đức chế tạo. Chi nhánh của Hãng PATHÉ tại Việt Nam chỉ làm nhiệm vụ thu tiếng rồi gửi “ băng “ về bên Đức để ép đĩa. Thời gian từ lúc thu thanh cho đến khi đĩa hát được gửi trở lại Việt Nam cho đại lý bày bán phải mất từ 6 tháng đến một năm. Do đó giá thành cao, số đĩa phát hành cũng ít vì số dàn máy hát bán ra cũng không được nhiều ( chỉ những nhà giàu mới mua nổi ) Thầy Năm Tú thấy vậy liền lập ra xưởng lắp ráp máy hát để bán từ Nam ra Bắc, rẻ hơn loại máy hát nhập từ Pháp, Đức qua. Máy hát của thầy Năm Tú có in hình CON CHÓ NỒI THỐI KÈN và gắn cái loa bằng thiếc, hình BÔNG RAU MUỐNG to tướng. .

Ông Pierre Châu Văn Tú là một nghiệp chủ giàu có lớn, tuy theo Tây học và có đầu óc tổ chức, nhưng không có óc kinh doanh ( hay chẳng muốn kinh doanh vì huê lợi ruộng vườn của ông quá lớn ), nên ông lập gánh hát chơi, làm đĩa, ráp máy hát để bán rẻ cho dân hát đĩa hát của thầy Năm Tú. Có lẽ vì vậy mà ông không nghĩ tới việc lập hãng đĩa, hãng làm kim hát đĩa tại Việt Nam. Đó là một ngành nghề có thể thu lợi rất nhiều trong tình hình miền Nam đang rộ nở phong trào ca nhạc tài tử. Lễ hội, đám tiệc nào có dàn máy hát đĩa, hát vọng cổ, cải lương là thu hút người đến nghe đông đảo, thâu đêm suốt sáng, làm nở mặt nở mày gia chủ.

Nhờ đó, hãng đĩa hát PATHÉ, BÉKA, COLUMBIA của nước ngoài mới làm giàu trên đồng tiền Việt Nam qua việc bán máy hát, đĩa hát, kim hát của họ đưa sang.

Thời gian này, ở Chợ Lớn, anh **Ngô Văn Mạnh** sống trong một gia đình thợ thủ công, cha là ông Ngô Văn Tri, chuyên nghề sửa chữa xe kéo và xe đạp. Năm 1932, anh Mạnh chuyển sang nghề ép giày cao su, rồi mở một xưởng chế tạo đồ dùng bằng cao su, dưới bảng hiệu Vĩnh Xương Long.

Đến năm 1936, theo lời khuyên của người em rể thứ bảy là anh Lê Văn Định, từng học nghề chế tạo đĩa hát tại Pháp, anh Năm Mạnh mua lại các dụng cụ máy móc thu thanh, khuôn ép đĩa do Hãng Pathé chê là “ đời cũ “, bỏ ra thanh lý.

Anh Năm Mạnh đưa máy móc mua được về, đặt trên lầu nhỏ hẹp của xưởng ép giày của anh, rồi anh tự thiết kế phòng thu thanh, nghiên cứu vật liệu làm đĩa. Khó khăn nhất là làm sao đưa tiếng đã thu được khắc vào đĩa sáp, và từ đĩa sáp khắc vào khuôn đồng để từ đó ép ra đĩa hát. Đường rãnh ghi âm thanh thật nhuyễn, thật đều. . . khắc

được vào khuôn đồng vẫn giữ được như ở khuôn đĩa sáp thì khi ép ra, âm thanh đĩa hát mới trung thực. Anh Năm Mạnh cùng anh Lê Văn Định mày mò thử nghiệm mất cả tháng mới tạm gọi là có kết quả. Anh Năm Mạnh mời các nhạc sĩ, tài tử đến thu thanh và ra đĩa, nghe thử, rút kinh nghiệm rồi mới tính việc kinh doanh. Dù thu thử hay thu thiệt, mỗi ngày anh Năm vẫn trả lương cho tài tử ( 4 cắc một ngày ), nhạc sĩ ( 3 cắc mỗi ngày ), nên anh em rất vui lòng, nhiệt tình cộng tác với anh và họ gọi anh là thầy Năm Mạnh. Thời đó gọi bằng Thầy là một sự vừa thân thương, vừa kính trọng vì dân mình hồi đó còn chịu nhiều ảnh hưởng Nho học: Quân, Sư, Phụ. . . Thầy còn đứng trước hơn Cha .

Bước đầu thầy Năm Mạnh quy tụ được khá nhiều tài tử và nhạc sĩ hữu danh. Nữ tài tử có các cô Hai Đá, Tư Bé, Thế Hà, Năm Xảo, Sáu Huỳnh Kỳ, Ba Lắm, Tư Được . . . Phía nam tài tử có các anh Tám Bằng, Hồng Châu, Năm Nghĩa, Năm Phôi, Bảy Kiên, Ba Túy, Bảy Cao. . . Nhạc sĩ đủ mặt các danh cầm thời đó như Bảy Thạch ( kìm ), Jean Tịnh ( violon ), Tư Còn ( guitare ), Tư Hiệu ( violoncelle ), Tư Quốc, Năm Thọ ( cò ), Bảy Hàm (đàn kìm, đàn đản ) Armand Thiều, Ba Kéo, Ba Cây, Chín Hòa ( guitare ), Năm Tồn (đờn tranh ), Mười Mù Trà Ôn ( đàn bầu ) .

So với chất lượng của đĩa hãng Pathé, Béka, đĩa hãng ASIA của thầy Năm Mạnh vì dùng nguyên liệu trong nước, máy móc cũ, kỹ thuật còn non nên kém hơn. Đĩa “ đá “ do thầy Năm chế tạo, tuy cùng kích cỡ, vòng quay 78 tours / phút, nhưng dày, nặng và độ cứng không đều. Có đĩa quá cứng nên hát rất hao kim. Có đĩa lại mềm, hát mau mòn đĩa. Để bù đắp chỗ thua kém này, Thầy Năm Mạnh cạnh tranh bằng hai cách:

- 1 - Bán rẻ hơn đĩa Pathé và Béka. Đĩa Pathé bán 1, 2 đồng, một đĩa. Đĩa hát của hãng ASIA, thầy bán 8 cắc một đĩa. .
- 2 - Chọn tài tử và ban hát thật hay, đồng thời “ gói gọn câu ca, không để bị đứt đoạn khi sang mặt đĩa khác “. Với cách làm và cách nghĩ đầy “kinh-tế “ và “nghệ thuật “ đó, đĩa ASIA càng lúc càng được khách mộ điệu ưa chuộng.

Thầy Năm Mạnh cũng không quên nghiên cứu cách chế tạo chất đá ( ébonite ) nhuyễn hơn để ép đĩa được nhẹ và rãnh hát của mặt đĩa được sâu hơn, lời ca tiếng nhạc nhờ đó được trung thực hơn, tiếng đĩa hát ít rè hơn, chất lượng tốt như đĩa của Tây, của Đức sản xuất.

Khi nhắc tới những bộ đĩa của hãng ASIA, có người hỏi tại sao người ta hay nói đĩa TRÒNG ĐỎ TÍM hay đĩa TRÒNG VÀNG? Đây là cách ” đánh vào mặt tâm lý ” của người mua đĩa. Thầy Năm biết người dân ở nông thôn, có người ít học, có người thích nói ngắn gọn khi nhờ người khác mua đĩa dùm mình khi đi Sài Gòn, Chợ Lớn, nói đĩa “ Trông màu gì là nói tới năm sản xuất “ của bộ đĩa đó.

Kể từ bộ đĩa đầu tiên mang số thứ tự 0. 000. 001 dán nhãn Đỏ Tím ( gọi là đĩa Trông Đỏ Tím ) “ *Văng vẳng Tiếng Chuông Chùa* “ do tài tử Năm Nghĩa ca cho đến những đầu thập niên 1950, hãng đĩa ASIA đã phát hành được 5 đợt đĩa. Nhìn cái màu nhãn hiệu, người khách hàng quen thuộc có thể biết khoảng năm ra đời của nó. Ví dụ :

Đĩa TRÒNG ĐỎ TÍM, khoảng năm 1936 - 1939, có các bộ *Văng văng Tiếng Chuông Chùa* ( Năm Nghĩa ), *Thân Tôi Có Chồng* ( cô BA BẾN TRE ), *Cộp . cộp . Bonjour thầy Ba* ( Hồng Châu ) . . .

Đĩa TRÒNG VÀNG, khoảng năm 1939 - 1942, có *Gió Bắc Lạnh Lùng* ( cô Hai Đá ) *Ngựa Chạy Đường Dài* ( Hồng Châu ), *Thái Sư Văn Trọng Giáng Thập Điều* ( Út Trà Ôn ).

Đĩa TRÒNG TRẮNG, khoảng năm 1942 - 1947, có *Đêm Đông* ( Năm Nghĩa ), *Tình Mẫu Tử* ( cô Tư Sạng ), *Phàn Lê Huê* ( cô Ba Kim Anh ), *Tôn Tẫn Giả Diên* ( Út Trà Ôn, *Tình Yêu Mộng Tưởng* ( Năm Nghĩa ), *Trọng-Thủy Mỹ Châu* ( Ngọc Chiêu ) . . .

Đĩa TRÒNG XANH, khoảng năm 1947 - 1950, có *Khóc Hoạn Thư* ( cô Ba BẾN TRE ), *Nguyệt Thu Nga* ( tuồng cải lương Thành Công - Ngọc Ánh ), *Tôn Tẫn Giả Diên* ( tái bản ), *Đêm đông* ( tái bản ), *Bóng Người Kỳ Sĩ* ( Thành Công ), *Tình Hận Ly Hương* ( Minh Chí ) *Tâm Sự Chàng Dốt* ( Sáu Thoàng ) . . .

Khoảng cuối thập niên 1950, sau đợt đĩa Trùng đỏ ( bộ vọng cổ *Huyền Trân Công Chúa* ) Hãng Đĩa ASIA đổi tên hiệu sản xuất trên mặt đĩa là HỒNG HOA. ( Hồng Hoa đây là anh hai Hồng Hoa, một người lai hoa kiều, thân nhân của thầy Năm Mạnh chớ không phải chị Hồng Hoa, vợ hai của anh Út Trà Ôn như có người ngộ nhận ).

Thầy Năm Mạnh, dù là chủ nhân của một hãng đĩa tại một căn phố hẹp ở đường Danel Chợ Lớn hay lúc dời về một cơ ngơi bề thế, rộng lớn tại số 362 Bến Hàm Tử, Thầy Năm Mạnh luôn luôn đối đãi nồng hậu với anh chị em nghệ sĩ, nhạc sĩ như người thân trong gia đình. Chưa hề nghe ai than phiền Thầy về việc tiền nong. “ Bao thơ “ thầy trao tay cho anh em nghệ sĩ sau mỗi lần thu đĩa đều gây một cảm giác thoải mái và bất ngờ. Thầy trân trọng tài năng và nhạy bén trong công việc phân vai đào kép trên mặt đĩa. Thầy góp ý nhanh trong việc “ cắt tuồng “ phân đoạn với soạn giả, sao cho câu ca lời thoại trọn vẹn trên mỗi mặt đĩa. Mặt đĩa nào thu xong mà còn một số vòng trống, thầy yêu cầu đờn chen vào vài bản nhỏ, chớ không thu tiếp nội dung khiến cho câu ca lỡ dở phải ghi ở mặt sau, khó nghe, khó hiểu.

Toàn bộ công việc của hãng đĩa do một tay Thầy điều hành, sắp đặt từ việc chọn bài, tuyển lựa nhạc sĩ, tài tử đến việc thu thanh, in bản sáp, làm bảng đồng rồi ép đĩa, làm bao bì. Thầy còn tận tâm chỉ dạy cho người giúp việc chớ không có dấu nghề. Lúc nào thầy cũng ăn mặt xuề xòa với chiếc quần đùi trắng thắt bằng giây lưng, mang lưng lẳng xâu chìa khóa. Khi nào có khách lạ hoặc phòng thu có nhiều đào quá, Thầy mới xỏ thêm chiếc áo sơ-mi cụt tay cho lịch sự, nhưng cũng chỉ gài có một hoặc hai nút giữa. Gặp tài tử hoặc nhạc sĩ nào tới phòng thu mà mặt mày có vẻ đã đuối, thiếu “ thuốc “, thầy vui vẻ ứng trước để anh em đi tiệm làm vài cặp cho nó “phê “ rồi hẳn cất giọng ca hoặc đờn (Hồi xưa, nhiều danh cầm, danh ca nghiện thuốc phiện. )

Bộ đĩa nào tái bản bán chạy, thầy đều gọi anh em đến để thưởng thêm một số tiền lớn, nhỏ. Vì vậy, về sau có nhiều hãng đĩa ra đời, anh em nghệ sĩ cũng không xa thầy. Đĩa ASIA nhờ đó càng tăng thêm uy tín vì số bài bản hay, ca sĩ giỏi, danh cầm quen thuộc.

Nhờ hăng đĩa ASIA lừng xê, rất nhiều nghệ sĩ đã bước lên nấc thang danh vọng của nghệ thuật như Năm Nghĩa, Bảy Cao, Út Trà Ôn, cô Tư Sạng, Tám Thưa, Tám Bằng, Hồng Châu, Ba Túy, Thành Công, Minh Chí, Thanh Tao, Năm Phôi, Ngọc Chiêu, Ba Tuất, Ba Bến Tre, Năm Cần Thơ Ba Trà Vinh, Bạch Huệ . . .

Những bộ đĩa cải lương để đời có San Hậu ( 25 đĩa ), Quan Âm Thị Kính ( 12 đĩa ), Tô Ánh Nguyệt ( 16 đĩa ), Hoa Rơi Cửa Phật ( tức là Lan và Điệp ) 16 đĩa, Gươm Lục Yểm, 10 đĩa . . .

Về mặt công nghệ, Thầy Năm Mạnh là người đầu tiên xây dựng ngành chế tạo đĩa hát tại Việt Nam bằng nguyên liệu trong xứ, kéo theo sự phát triển của dàn máy hát và kim hát nội địa suốt trong bốn thập niên. Do công lao sáng lập đó, năm 1956, Hội Chủ Nhân các Hãng Đĩa DĨA tại Mỹ đã mời thầy Năm Mạnh làm Phó Chủ tịch danh dự. Thời gian này căn bệnh ung thư ruột phát tác, gia đình đã đưa thầy đi Pháp, đi Nhật để chữa trị, nhưng không hết bệnh được. Thầy mất tại nhà thương Đồn Đất vào lúc 14 giờ 30 chiều ngày 04 / 01 / 1957, hưởng dương 50 tuổi.

Thầy mất đi, để lại một vợ ( chánh thất bà Phan Thị Liên ) và 8 người con. Trong số đó, 4 người con lớn đang đi học nước ngoài:

Ngô Văn Minh ( học ở Anh Quốc ), Ngô Văn Đức, Ngô Văn Ngọc và Ngô Văn Châu ( học ở Pháp ) Bốn cô cậu còn lại là:

Ngô Văn An, Ngô Văn Phước, Ngô Thị Huệ và Ngô Thị Hạnh .

Lúc anh Năm Hùng còn sống, tôi nhiều lần đi đàn ca cổ nhạc với nhóm nhạc sĩ của anh (anh Lôi đồn cò, anh Cam Văn Công đồn lục huyền cầm, và cháu Ngô Văn Phước ) Cháu Ngô Văn Phước và gia đình đã định cư ở Montréal Canada.

Thầy Ngô Văn Mạnh xứng đáng được Vinh Danh là người đầu tiên sáng chế ra đĩa hát tại Việt Nam. Ông mất đi giữa lúc sân khấu cải lương đang hồi hưng thịnh, để lại không biết bao nhiêu thương tiếc cho anh em văn nghệ sĩ, nhạc giới và thân bằng quyến thuộc.